

Số 1114 /PTM- VP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017



BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ
về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ Ngày 15/5

Kính chuyển: ĐMDN (1).....

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện công văn số 4220/VPCP-ĐMDN ngày 25 tháng 4 năm 2017 và công văn số 4319/VPCP-ĐMDN ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ, để chuẩn bị Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp doanh nghiệp và sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC BỘ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, VCCI, HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP TRONG TOÀN QUỐC

Ngay sau khi Nghị quyết ban hành, nhiều bộ ngành, địa phương đã sớm triển khai xây dựng Chương trình hành động và tổ chức Hội nghị triển khai nghị quyết như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Lâm Đồng, Hòa Bình. Đến nay, tất cả các bộ ngành, địa phương đã ban hành Chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức triển khai nghị quyết.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Nghị quyết, đồng thời xây dựng Chương trình hành động của VCCI thực hiện Nghị quyết (Quyết định số 1773/PTM-VP ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch VCCI). Chương trình hành động của VCCI đã tập trung vào 6 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu và 44 hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết.

Qua việc triển khai Nghị quyết của các bộ ngành, địa phương, VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp cho thấy:

- Nghị quyết ban hành đã tạo được hưởng ứng tích cực của các bộ ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá

cao, tích cực hưởng ứng và mong muốn Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thuận lợi thực sự cho doanh nghiệp phát triển.

- Hầu hết các Chương trình hành động đều bám sát các nhiệm vụ đã được Chính phủ giao tại Nghị quyết 35/NQ-CP và một số chỉ tiêu cải cách hành chính đã nêu trong Nghị quyết 19/NQ-CP. Các Chương trình hành động đều có kế hoạch chi tiết các hoạt động cụ thể để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp với thời gian cụ thể hoàn thành các hoạt động. Tuy nhiên, đa số các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đều không nêu rõ chế tài trong trường hợp hoạt động không được triển khai hoặc triển khai không hiệu quả.

- Bên cạnh việc nhiều bộ ngành, địa phương triển khai sớm, hiệu quả, quyết liệt, vẫn còn một số bộ ngành, địa phương chậm triển khai thực hiện nghị quyết, hoặc triển khai nghị quyết mang tính chất hình thức. Điều này dẫn tới tình trạng “nóng trên” nhưng “lạnh dưới” làm giảm hiệu quả và tác động của Nghị quyết tới môi trường kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp một cách kịp thời.

- Một số tỉnh, thành phố chưa quy định rõ thời gian triển khai các hoạt động thực hiện Chương trình hành động. Đa số các tỉnh chưa đề cao vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể, xã hội nghề nghiệp.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NGHỊ QUYẾT NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP

Nghị quyết 35 giao cho VCCI 05 nhóm nhiệm vụ và một số nhiệm vụ phối hợp. Cụ thể là:

- Tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp chuyển tới các cơ quan nhà nước để xử lý, giải quyết; định kỳ hàng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ, hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện; công khai trên trang thông tin điện tử của VCCI.

- Tổng hợp tình hình thực hiện cam kết đã ký giữa UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với VCCI, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng quý và công khai trên trang thông tin điện tử của VCCI.

- Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp các chi phí chính thức, không chính thức đối với doanh nghiệp, so sánh với các doanh nghiệp trong khu vực, quốc tế và đề xuất giải pháp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Xây dựng các chương trình, biện pháp khả thi để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt vai trò là tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình dự án hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, chương trình nâng cao năng lực các hiệp hội doanh nghiệp.

Đến nay VCCI đã triển khai thực hiện 5/5 nhiệm vụ được giao, đồng thời phối hợp với các bộ ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp triển khai các nhóm giải pháp được nêu trong nghị quyết. Các nhiệm vụ của VCCI được giao trong nghị quyết cũng là các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của VCCI đã được quy định trong Điều lệ của VCCI do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.1. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp:

Thực hiện nhiệm vụ trên, kể từ Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp tổ chức vào ngày 29 tháng 4 năm 2016 đến hết tháng 01/2017, VCCI đã tập hợp được trên 421 kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trên cả nước và gửi tới các bộ, ngành, địa phương để trả lời, giải quyết. Trong đó, có 320 kiến nghị được VCCI tập hợp và gửi các bộ, ngành trả lời trước và ngay tại Hội nghị, 101 kiến nghị còn lại được tập hợp trong các báo cáo hàng tháng của VCCI gửi Thủ tướng Chính phủ. Kết quả việc giải quyết kiến nghị cụ thể như sau:

- Các bộ ngành, địa phương đã xử lý, giải quyết, trả lời 380 kiến nghị (đạt tỷ lệ 90,3%), còn 43 kiến nghị khác liên quan đến đề nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật, chính sách và các vấn đề chung đã được các bộ, ngành ghi nhận và tiếp tục nghiên cứu, giải quyết.

- Để chuẩn bị cho Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp Doanh nghiệp và sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP, từ tháng 2/2017 đến nay VCCI đã tập hợp thêm 188 kiến nghị mới từ doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp và đã chuyển các bộ ngành, địa phương giải quyết. Các bộ ngành đã xử lý, giải quyết, trả lời 98 kiến nghị (đạt tỷ lệ 52,1%), còn 90 kiến nghị chưa trả lời, trong đó có một số kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ.

- Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ do Văn phòng Chính phủ điều hành (www.doanhnghiep.chinhphu.vn) từ khi được thiết lập và hoạt động (tháng 10/2016) cũng đã tiếp nhận và chuyển các bộ ngành, địa phương 489 kiến nghị từ các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp (chưa kể 97 phản ánh, kiến nghị còn lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ hoặc phải giải quyết theo quy trình khiếu nại, tố cáo cũng đã được Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết, cũng như xử lý theo quy trình khiếu nại, tố cáo theo quy định), trong đó có 372 kiến nghị đã được xử lý, giải quyết, trả lời (đạt tỷ lệ 76,1%).

Như vậy, kể từ Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp doanh nghiệp tháng 4/2016 đến nay, *đã có trên 1098 kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp đã được tiếp nhận và chuyển tới các cơ quan nhà nước và đã có 850 kiến nghị được xử lý, giải quyết, trả lời, đạt tỷ lệ 77,4%.* Các kiến nghị chưa được xem xét, giải quyết chủ yếu là các kiến nghị chung về môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, sửa đổi pháp luật, cơ chế chính sách đang được các bộ ngành, địa phương tiếp tục nghiên cứu, giải quyết.

Các nội dung kiến nghị chủ yếu của cộng đồng doanh nghiệp được tổng hợp theo các nhóm vấn đề sau đây:

+ *Về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp*: Tập trung vào việc cải tiến thủ tục thuế, hải quan, tiếp cận đất đai, thanh tra, kiểm tra, môi trường; Tinh thần, thái độ phục vụ của các công chức làm việc trong lĩnh vực trên; Yêu cầu các cơ quan Nhà nước cũng phải tuân thủ pháp luật, bình đẳng với các doanh nghiệp.

+ *Về tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo*: Tập trung vào việc phát huy hiệu quả của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV...

+ *Về bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp*: Các kiến nghị liên quan tới việc đề nghị thực hiện nghiêm túc việc tham vấn các đối tượng chịu tác động và tham vấn chuyên gia trong quá trình xây dựng, thực hiện pháp luật, chính sách; Tăng cường chất lượng và sự tham gia của cán bộ pháp chế các bộ ngành trong xây dựng pháp luật; Các mối quan ngại bị phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp; Mâu thuẫn, chông chéo giữa các quy định pháp luật.

+ *Về giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp*: Tập trung vào việc đảm bảo mặt bằng lãi suất phù hợp; Giảm bớt các mức đóng góp của Người sử dụng lao động; Giảm giá thuê đất, giảm mức thu phí tại một số dự án BOT, các loại phí, lệ phí khác.

+ *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp*: Các kiến nghị đề cập đến các vấn đề về bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp khi làm thủ tục phá sản doanh nghiệp; Thi hành án dân sự, nhất là khi có tranh chấp hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân; Có chế tài đủ mạnh để răn đe các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm bản quyền SHTT; Bảo vệ doanh nghiệp trong quan hệ lao động; Thanh tra, kiểm tra không đúng quy định.

2.2. Tổng hợp tình hình thực hiện cam kết với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về môi trường kinh doanh:

Nghị quyết 35/NQ-CP giao nhiệm vụ cho UBND các tỉnh thành phố: “*Trong quý III năm 2016, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký cam kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có sự chứng kiến của Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp*”; đồng thời giao nhiệm vụ cho VCCI: “*Tổng hợp tình hình thực hiện các cam kết đã ký giữa UBND các tỉnh, thành phố với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng quý và công khai trên trang Thông tin điện tử của VCCI*”.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ngoài 2 bản cam kết của UBND thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh ký với VCCI tại Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp, trong tháng

8 và 9 năm 2016, VCCI đã tổ chức 02 hội nghị phổ biến, quán triệt Nghị quyết 35/NQ-CP và ký cam kết với VCCI về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, qua đó đã hoàn thành việc ký cam kết với tất cả 63 UBND các tỉnh, thành phố trong cả nước đúng thời hạn được giao.

Ngoài các nội dung cam kết theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 35, các tỉnh, thành phố đã có những cam kết lượng hóa cụ thể như chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, các chỉ tiêu về cải cách hành chính trong các lĩnh vực cụ thể như thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời gian giải quyết thủ tục đầu tư, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, thủ tục thuế, hải quan, áp dụng áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI... Các chỉ tiêu về thủ tục thời gian giảm từ 30- 50% so với hiện nay.

Riêng chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, 63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã đăng ký phát triển đạt số lượng 1.469.070 doanh nghiệp đến năm 2020.

Qua việc theo dõi tình hình thực hiện cam kết và báo cáo của UBND các tỉnh, thành phố cho thấy có một số kết quả nổi bật và hạn chế cụ thể như sau:

2.2.1. Kết quả nổi bật

- Việc triển khai Nghị quyết 35 đã tạo chuyển biến tích cực trong tư tưởng, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt về lề lối, tác phong, thái độ phục vụ. Công tác phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư đã được các địa phương quan tâm. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp như đào tạo, xúc tiến thương mại, bảo lãnh tín dụng, vườn ươm doanh nghiệp... được triển khai và nhận được phản ứng tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của nhiều địa phương đã đạt được kết quả tốt, một số thủ tục hành chính vượt chỉ tiêu mà Nghị quyết 19/NQ-CP và cam kết đã ký với VCCI như: Thời gian thành lập doanh nghiệp: đa số các tỉnh là 2 ngày (giảm 1 ngày so với Cam kết). Có tỉnh chỉ có 1,5 – 1,84 ngày như: Đồng Nai (1,84), Lai Châu (1,5), Hậu Giang(1,5), Hà Tĩnh (1,66)...; Thời gian thông quan hàng hóa: đa số các tỉnh đều đạt chỉ tiêu Nghị quyết 19 và Cam kết đã đề ra là: thời gian qua biên giới dưới 10 ngày đối với hàng xuất khẩu; đối với hàng nhập khẩu dưới 12 ngày, trong đó có nhiều tỉnh vượt chỉ tiêu ở mức cao như Quảng Ninh đạt: 21 giờ 34 phút 12 giây đối với hàng xuất khẩu và 39 giờ 45 phút 12 giây đối với hàng nhập khẩu, Hà Tĩnh: đạt 4 ngày 12h đối với hàng nhập khẩu và đạt 1 ngày 12 giờ 52 phút đối với hàng xuất khẩu; ...

- Mô hình Trung tâm hành chính công được nhiều tỉnh/thành phố tổ chức nhằm giảm thiểu thời gian đi lại và sự phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Có tỉnh như Quảng Ninh đã xây dựng Trung tâm hành chính công đến cấp huyện. Ngoài ra, tất cả các địa phương đều triển khai cơ chế một cửa và một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

- Các tỉnh/thành phố đều tích cực triển khai thực hiện kê khai nộp thuế điện tử (đa số đạt từ 96-100%), nhất là ở các địa phương như Đồng Nai, Quảng Trị, Gia Lai (đạt 100%), Bình Thuận (99,84%), TP. Hồ Chí Minh (99,37%), Cần Thơ (99,51%), Hưng Yên (99,6%), Hà Tĩnh (99%).

- Việc tổ chức đối thoại giữa các cấp chính quyền với doanh nghiệp được đa số các địa phương quan tâm. Nhiều địa phương đã có nhiều sáng tạo trong tổ chức đối thoại với doanh nghiệp như: tổ chức đối thoại loại theo loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp FDI theo từng nước), đối thoại trên truyền hình... Đặc biệt mô hình “cà phê doanh nhân” được nhiều tỉnh quan tâm tổ chức nhằm tạo không khí thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp trong đối thoại và giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

2.2.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác cải cách thủ tục hành chính mặc dù đã được thực hiện tốt nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, nhà đầu tư có trình độ, năng lực còn hạn chế; tình hình gây phiền hà, những nhiễu còn diễn ra, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

- Một số UBND các tỉnh chưa đảm bảo tổ chức đối thoại với doanh nghiệp công khai định kỳ ít nhất hai lần/năm.

- Các địa phương đã quan tâm hơn đến việc lấy ý kiến doanh nghiệp góp ý các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương, tuy nhiên mới phổ biến hình thức lấy ý kiến trên website của tỉnh, ngành, chưa đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp.

- Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tuy đã được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Tình trạng doanh nghiệp than phiền về việc các thủ tục hành chính chậm trễ, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp vẫn còn nhiều. Nhiều địa phương vẫn chưa thực hiện đúng yêu cầu thanh tra, kiểm tra 1 lần/năm như Nghị quyết 35 đã đề ra. Việc doanh nghiệp một năm phải tiếp 6-7 đoàn thanh tra, kiểm toán, thậm chí trên 10 đoàn chưa kể các đợt kiểm tra không chính thức. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp có ý kiến về công tác đối chiếu thuế, lỗi do phần mềm thuế cập nhật chậm dẫn đến tình trạng doanh nghiệp đã đóng thuế nhưng vẫn bị thông báo là nợ thuế.

- Về chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp để thực hiện mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả: Đây là mục tiêu cần thiết để phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tuy nhiên điều này dễ dẫn đến bệnh thành tích của các cơ quan, chính quyền ở địa phương. Một số tỉnh còn nhầm lẫn giữa chỉ tiêu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả với chỉ tiêu đăng ký thành lập doanh nghiệp mới, một số khác không chỉ rõ số lượng doanh nghiệp cụ thể mà chỉ đăng ký chỉ tiêu một cách chung chung số doanh nghiệp đến năm 2020 tăng gấp đôi so với số doanh nghiệp hiện tại.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin ở mức 3, mức 4 trong giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp còn chậm. Số lượng các thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 còn rất ít.

- Các cơ quan chức năng của địa phương như: các sở, ban ngành tỉnh, UBND các cấp chưa chủ động rà soát, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nên chưa đề ra được các giải pháp cụ thể, kịp thời để hỗ trợ doanh nghiệp.

- Mặc dù nhiều địa phương đã quan tâm chỉ đạo công tác đào tạo lao động tại địa phương nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động nhưng địa phương chưa đáp ứng được, doanh nghiệp phải tự đào tạo. Mặt khác, nhận thức của một bộ phận cán bộ, người lao động về học nghề và đào tạo nghề cho người lao động chưa được coi trọng.

- Công tác cải cách việc giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại liên quan đến doanh nghiệp của tòa án các cấp còn chậm, kéo dài khiến doanh nghiệp ít lựa chọn phương án kiện ra tòa khi có tranh chấp. Việc tòa án giải quyết phá sản doanh nghiệp chưa nhiều và nói chung công tác thi hành án dân sự rất cần tiếp tục nâng cao về thời gian thực hiện và hiệu quả.

- Các doanh nghiệp ít sử dụng các kênh trực tuyến hỏi đáp trên cổng thông tin điện tử của địa phương và các đơn vị trực thuộc địa phương khi có vướng mắc, khó khăn, kiến nghị. Nguyên nhân chính do việc trả lời chưa kịp thời, thiếu cụ thể; công nghệ của các cổng thông tin còn lạc hậu; một số trang thông tin được thành lập chỉ mang tính hình thức, không cập nhật, thông tin nghèo nàn.

- Các Hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp cũng còn ít hoạt động thiết thực để triển khai Nghị quyết 35/NQ-CP, ít phản ánh khó khăn, vướng mắc đối với cơ quan nhà nước. Nguyên nhân do việc trả lời, giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp chậm, hoặc không trả lời. Mặt khác, một số doanh nghiệp vẫn có thói quen xử lý các khó khăn, vướng mắc theo con đường phi chính thức, dựa vào quan hệ.

2.3. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp các chi phí chính thức, không chính thức đối với doanh nghiệp, so sánh với các doanh nghiệp trong khu vực, quốc tế và đề xuất giải pháp giảm chi phí cho doanh nghiệp:

Để thực hiện việc thống kê chi phí kinh doanh và nhất là so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới, việc nghiên cứu chi phí kinh doanh ở Việt Nam cần áp dụng các phương pháp đã được quốc tế sử dụng. VCCI đã tiến hành tìm hiểu các nghiên cứu liên quan đến chi phí kinh doanh như: Khảo sát doanh nghiệp, Khảo sát về chi phí kinh doanh, Khảo sát Hiệu quả kinh doanh và Môi trường đầu tư, Khảo sát về Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, Dự án nghiên cứu về Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu của Hiệp hội các nhà nghiên cứu kinh doanh toàn cầu (GERA), Dự án Chỉ số Cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Diễn đàn kinh tế thế giới. Tuy nhiên, không phải tất cả các nghiên cứu nêu trên đều có thể giúp chỉ ra bức tranh hiện tại về chi phí kinh doanh ở mỗi nước và so sánh giữa các nước với nhau.

Trong số các nghiên cứu trên, nghiên cứu “Khảo sát về Môi trường kinh doanh” của Ngân hàng Thế giới xem xét nhiều các vấn đề về chi phí kinh doanh nhất. Theo Báo cáo năm 2017, chi phí kinh doanh ở Việt Nam về cơ bản ở mức cao so với các nước trong cùng khu vực như Sing-ga-po hay Ma-lay-xi-a. Đặc biệt là chi phí tiếp cận điện năng của Việt Nam cao gấp gần 49 lần so với Phi-lip-pin. Chi phí nộp thuế cao nhất so với ASEAN 4, ở mức 39,1% lợi nhuận, cao hơn 2 lần so với Sing-ga-po. Tương tự như vậy, chi phí tuân thủ chứng từ xuất khẩu cũng ở mức cao nhất, gấp gần 4 lần so với Sing-ga-po và hơn 3 lần so với Phi-lip-pin. Đây thực sự là một vấn đề rất đáng quan ngại bởi nó làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Các vấn đề khác liên quan đến chi phí cũng đang gây mối quan ngại lớn đó là :

- Về chi phí logistics: Chi phí về logistics vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam. Chẳng hạn: chi phí vận chuyển cho một container hàng từ cảng Hải Phòng về Hà Nội hay ở chiều ngược lại (khoảng 100km), đắt gấp ba lần so với chi phí vận chuyển một container hàng từ Trung Quốc và Hàn Quốc về Việt Nam. Ngoài ra còn có những chi phí phát sinh liên quan đến thủ tục hành chính, nộp phí, thời gian chậm trễ, giá xăng dầu tăng, phụ phí vận tải biển...

- Về thuế xuất nhập khẩu: Ảnh hưởng của mức thuế nhập khẩu mới đối với nguyên liệu đầu vào sản xuất của các Công ty sản xuất bao bì nhựa phải chịu mức thuế nhập khẩu mới tăng gấp ba lần kể từ đầu tháng 1-2017, việc áp thuế nhập khẩu hạt nhựa PP lên mức 3% tác động trực tiếp vào cơ cấu giá thành sản phẩm và gián tiếp tác động đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Chi phí vay vốn: Vấn đề nổi lên là rủi ro vay nợ, đặc biệt là nợ ngắn hạn. Theo góc độ của các ngân hàng cho vay, để đảm bảo cho doanh nghiệp có chính sách giá cạnh tranh hơn, cần có sự chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn vay từ nợ ngắn hạn (tài trợ kinh doanh) sang gia tăng tỷ trọng nợ dài hạn nhằm ổn định trần chi phí lãi vay.

- Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh trong nước quá cao gây khó khăn cho các DNNVV. Hầu hết các doanh nghiệp có quy mô trung bình trở xuống tại Việt Nam không thể chi trả những khoản phí cao để thuê mặt bằng tốt, có vị trí thuận lợi, bị lép vế so với các đối thủ quốc tế, là những nhà bán lẻ danh tiếng, giàu kinh nghiệm, có tiềm lực tài chính vững mạnh hơn. Giá thuê mặt bằng là nguyên nhân dẫn đến các chuỗi nhà hàng, dịch vụ ăn uống và bán lẻ nội địa bị lép vế hơn so với hầu hết các chuỗi bán lẻ của nước ngoài.

- Chi phí về lao động: Theo Báo cáo “Khảo sát thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Châu Á và Châu Đại Dương năm 2016” được Tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản (JETRO) công bố ngày 14/2/2017, tại Hà Nội cho thấy gần 60% doanh nghiệp lo ngại chi phí nhân công tăng cao tại Việt Nam. So với nhiều nước và ngay trong khối ASEAN, Việt Nam đang có

mức đóng bảo hiểm cao nhất. Việt Nam quy định đóng bảo hiểm ở mức 32,5% mức lương tháng trong đó DN đóng 22%, người lao động đóng 10,5%. Trong khi đó, Malaysia chỉ đóng BHXH 13%, Phillippines 10%, Indonesia 8%. Tỷ lệ đóng bảo hiểm giữa DN và người lao động ở Việt Nam cũng khác xa, trong khi nhiều nước quy định doanh nghiệp và người lao động đóng bằng nhau, mỗi bên 50%. Điều đáng nói là với chi phí như vậy đòi hỏi người lao động phải tạo ra một giá trị nhất định thì DN mới có thể tồn tại được, tức là năng suất lao động phải đạt ở mức đủ cao. Trong khi đó, theo nghiên cứu của Tổ chức Lao động thế giới, năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn của Sing-ga-po tới gần 16 lần, thấp hơn Nhật Bản 11 lần và Hàn Quốc 10 lần. Nhưng năng suất lao động thấp rõ ràng không hoàn toàn nằm trong khả năng kiểm soát của doanh nghiệp.

- Về chi phí không chính thức: Theo kết quả nghiên cứu của Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI-2016 của VCCI, 66% trong số 11.000 doanh nghiệp được hỏi xác nhận trả loại phí này. Nhìn chung, tình hình không có mấy cải thiện qua các năm. Có từ 9-11% doanh nghiệp tham gia điều tra từ năm 2014- 2016 cho biết các khoản chi phí cho riêng mục này chiếm tới hơn 10% tổng doanh thu của họ, cao hơn hẳn mức 6-8% giai đoạn 5 năm trước. Tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp vẫn phổ biến, chi tiêu này dù được cải thiện trong 2 năm qua (giảm từ 65% năm 2013-2014 xuống còn 58% năm 2016) nhưng vẫn cao so với kết quả điều tra các năm trước đó. Các DN thường phải trả các chi phí không chính thức khi làm thủ tục cấp mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp đón thanh tra, kiểm tra, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện.

Hiện VCCI đang tiếp tục triển khai nghiên cứu độc lập và toàn diện để có bức tranh tổng thể hơn về nội dung này.

2.4. Xây dựng các chương trình, biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của VCCI, thực hiện tốt vai trò là tổ chức xã hội nghề nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động ở Việt Nam:

Trên cơ sở các chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ VCCI đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ), bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân đã nêu trong Nghị quyết Đại hội XI và Nghị quyết 09/NQ-TU của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế cùng với việc nắm bắt nhu cầu, trình độ phát triển của doanh nghiệp, VCCI đã xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm trong nhiệm kỳ 2015- 2020 là: “Tập trung thực hiện tốt vai trò của tổ chức quốc gia đại diện và bảo vệ cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động, đồng thời là tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp của Đảng, Nhà nước; Tham mưu hiệu quả cho Đảng và Nhà nước về các chính sách kinh tế - xã hội, tạo lập môi

trường kinh doanh thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp; Xúc tiến và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, doanh nhân trong quá trình tái cơ cấu đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững”.

Để triển khai phương hướng, nhiệm vụ công tác nêu trên, VCCI đã tập trung triển khai các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, các tỉnh, thành ủy, Ban cán sự Đảng cấp ủy Đảng tổ chức quán triệt sâu rộng tới cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Nghị quyết số 09-NQ/TU của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc thông qua triển khai thực hiện các chương trình, dự án quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân như: Đào tạo doanh nghiệp, doanh nhân; Nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế; Thực hiện chức năng đại diện cho người sử dụng lao động, tôn vinh và khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân...

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh, đặc biệt là môi trường kinh doanh tại các địa phương thông qua các hoạt động: Xây dựng và góp ý chính sách, thúc đẩy cải cách hành chính đảm bảo xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch bình đẳng, đảm bảo ngăn ngừa và phòng chống tham nhũng; Xây dựng và thực hiện đề án Liêm chính Doanh nghiệp; Tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, hội nhập kinh tế quốc tế; Nâng cao chất lượng các báo cáo thường niên như: Báo cáo PCI, MEI, Báo cáo thường niên doanh nghiệp, Báo cáo về quan hệ lao động, Báo cáo phát triển bền vững... Nâng cao và chuẩn hóa các hoạt động điều tra, khảo sát động thái doanh nghiệp định kỳ của VCCI để tạo thành công cụ tham chiếu quan trọng cho Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp. Hợp tác và hỗ trợ các Bộ ngành và địa phương thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành kinh tế phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Tham gia xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp luật, chính sách về Hiệp hội doanh nghiệp. Hỗ trợ thành lập và liên kết các hiệp hội doanh nghiệp, bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống hiệp hội theo ngành hàng và địa bàn. Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực của các Hiệp hội doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống hiệp hội doanh nghiệp thống nhất ở tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Thực hiện tốt vai trò đại diện người sử dụng lao động ở cấp quốc gia. Tiếp tục ủy quyền, phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp thực hiện chức năng đại diện người sử dụng lao động tại các địa phương và ngành nghề. Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ thiết thực, có hiệu quả cho người sử dụng lao động. Phối

hợp đề xuất và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa và giải quyết các tranh chấp lao động phát sinh, xây dựng quan hệ lao động hài hoà.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư, phát triển các cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp, tăng cường hệ thống dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục chủ động tham gia và phát huy tốt vai trò chủ trì, điều hành các tổ chức quốc tế, các diễn đàn kinh doanh lớn của giới doanh nghiệp, tham gia tư vấn, thúc đẩy việc đàm phán, ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế, đối phó với các rào cản thương mại trong quá trình thâm nhập thị trường quốc tế và các vụ kiện chống bán phá giá, đồng thời xây dựng cơ chế tự vệ bảo vệ thị trường và doanh nghiệp trong nước phù hợp với các quy định của WTO.

- Tăng cường nguồn lực của VCCI đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới. Xây dựng mạng lưới tổ chức hiệu quả của Ban Chấp hành và cơ quan VCCI trong nước và quốc tế.

Các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm nêu trên đang được triển khai tích cực, hiệu quả, được các cơ quan Đảng, Nhà nước đánh giá cao, đồng thời nhận được sự hợp tác tích cực của cộng đồng kinh doanh trong nước và quốc tế.

2.5. Xây dựng và triển khai các chương trình dự án hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, chương trình nâng cao năng lực các hiệp hội doanh nghiệp:

Mặc dù là nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 35, tuy nhiên trên thực tế đây là nhiệm vụ chính trị của VCCI đã triển khai thực hiện trong nhiều năm qua. Trong năm 2016, VCCI đã phối hợp với các bộ ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ này, tập trung vào việc đẩy mạnh triển khai các nhóm nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết, cụ thể như sau:

2.5.1. Về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp:

Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016, 2017 định hướng đến năm 2020, trong năm 2016, VCCI đã xây dựng chương trình hành động của VCCI và báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện Nghị quyết với hai nội dung chính: (1) Các hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh quốc gia. (2) Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững như Dự án nâng cao năng suất cho doanh nghiệp; Chương trình đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam; Chương trình hành động thúc đẩy thực hiện liên chính trong kinh doanh (Đề án 12); “Sáng kiến Mã số Xanh tại Việt Nam”; Dự án nâng cao năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp...

VCCI cũng đã thực hiện các nội dung đã ký kết trong Thỏa thuận hợp tác giữa VCCI với Tổng cục Hải Quan, Tổng Cục thuế, triển khai đánh giá hiệu quả

hoạt động cải cách thủ tục hành chính, thực hiện thường niên Hội nghị đối thoại về thuế và hải quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Chủ tịch VCCI tham gia Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phối hợp Giám sát việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong lĩnh vực Thuế, Hải quan cùng Liên minh 06 thành viên: Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ), Bộ Tài chính, VCCI, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam. Thực hiện nhiệm vụ được giao với tư cách là Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, VCCI đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của Ban I. Trong năm 2016 đã tổ chức đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC trong lĩnh vực tiếp cận điện năng, thuế và hải quan.

Trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, VCCI đã tham gia 30 ban soạn, tổ biên tập xây dựng 6 luật, 1 pháp lệnh, 22 nghị định; tham gia thẩm tra 24 văn bản luật và nghị định; lấy ý kiến doanh nghiệp hoàn thiện 148 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt, VCCI đã tập trung góp ý hoàn thiện các điều kiện kinh doanh để thực thi quy định của Luật Đầu tư 2014, góp ý sửa đổi Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

VCCI đã thực hiện nghiên cứu và xây dựng các báo cáo chuyên sâu về năng lực doanh nghiệp, môi trường kinh doanh và thực trạng phát triển kinh doanh tại Việt Nam, cập nhật tình hình kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Xuất bản và Công bố “Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2015” với chủ đề năm “Dịch vụ phát triển kinh doanh”, Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2016, chủ đề năm “Quản trị công ty”. Ngoài ra, VCCI cũng đã xây dựng một số chuyên đề nghiên cứu như: Chính sách quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh tại Việt Nam; Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, xu hướng phát triển và các chính sách tại Việt Nam; Tổng hợp thông tin, phát hành ấn phẩm Doanh nhân và thẻ chế...

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức và phối hợp tổ chức các cuộc đối thoại giữa doanh nghiệp với các cấp chính quyền, trong năm 2016 ở cấp Trung ương, VCCI đã tham gia phối hợp tổ chức Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp doanh nghiệp ngày 29/4/2016, đồng chủ trì Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam được tổ chức thường niên vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm, tổ chức 03 Hội nghị đối thoại doanh nghiệp và ngành thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Ở phạm vi địa phương, VCCI đã tổ chức và phối hợp tổ chức hàng trăm hội nghị, hội thảo, đối thoại, gặp mặt, tiếp xúc doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư vào các địa phương.

2.5.2. Về tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:

VCCI là đơn vị tiên phong trong hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam. Các phong trào, chương trình và hoạt động khởi nghiệp do VCCI thực hiện hơn 15 năm qua đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân

Việt Nam. Các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp 2016 tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều nội dung thiết thực:

- Tổ chức phát động chương trình khởi nghiệp 2016 và giao lưu khởi nghiệp nhằm tạo cơ hội giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về khởi nghiệp, lập nghiệp, khơi dậy tinh thần nghiệp chủ trong thanh niên sinh viên... Nhiều doanh nhân đã cam kết hỗ trợ tài chính hoặc các khóa đào tạo cho sinh viên các trường đến tham dự và giao lưu. Cũng tại các cuộc giao lưu, Ban tổ chức đã ký kết các hợp đồng thỏa thuận hợp tác giữa các đơn vị để đẩy mạnh sự phối hợp giữa Ban tổ chức - nhà trường - hiệp hội doanh nghiệp cùng triển khai chương trình Khởi nghiệp đạt hiệu quả.

- Đào tạo hàng trăm khóa khởi sự kinh doanh tạo cơ hội tiếp thu kiến thức về khởi nghiệp và những kỹ năng về Khởi sự kinh doanh cho hàng ngàn thanh niên, sinh viên trên toàn quốc.

- Chương trình “Tia sáng thanh niên - Youth spark” do Microsoft hỗ trợ đã khơi dậy phong trào thanh niên lập nghiệp trong các trường dạy nghề. Đề án “Tăng cường kỹ năng làm việc, khởi nghiệp cho thanh niên và kết nối với DNNVV”; Chương trình “Phổ cập hiểu biết công việc kinh doanh, hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp, tăng nhanh số lượng doanh nghiệp vừa và lớn” góp phần nâng cao số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể phát triển thành doanh nghiệp.

- Là đầu mối quốc gia của Mạng lưới khởi nghiệp toàn cầu (GEN), VCCI đã tiến hành tổ chức nhiều hoạt động gắn kết với mạng lưới này, mở rộng “sân chơi” cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, nổi bật nhất là các hoạt động được tổ chức trong khuôn khổ Tuần lễ khởi nghiệp toàn cầu (GEW) vào trung tuần tháng 11 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Với mô hình này, VCCI đã bước đầu hình thành mạng lưới khởi nghiệp Việt Nam (GEN - Việt Nam) và đã ra mắt vào 1/3/ 2017.

Về hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, trong khuôn khổ Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến 2020, VCCI đã tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới trong các doanh nghiệp Việt Nam thông qua việc khảo sát điều tra 2100 lượt doanh nghiệp và các đơn vị cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh. Đây là cơ sở để VCCI đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chương trình đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị công nghệ, quản lý công nghệ và cập nhật công nghệ. Đồng thời, VCCI cũng đã xây dựng trang Web Techguide.vn để kết nối nhu cầu của doanh nghiệp về hỗ trợ đổi mới công nghệ với các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

Bên cạnh đó, với vai trò là thành viên ban điều hành của “Đề án hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, VCCI cũng đã thực hiện hàng loạt các tiểu dự án liên quan đến hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như: Xây dựng vườn ươm cho doanh nghiệp cơ khí tại TP Hồ Chí Minh; Tham gia tổ chức ngày hội khởi nghiệp TECHFEST; Tổ chức các hội nghị hội thảo về xây dựng thương hiệu cho DN khởi

ng nghiệp; Kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp của các tỉnh, thành phố trong cả nước; Chuẩn bị tổ chức Diễn đàn khởi nghiệp APEC 2017.

2.5.3. Về bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp:

VCCI tiếp tục hỗ trợ các DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh để tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị trong khuôn khổ đề án “Hỗ trợ DNNVV để phát triển các cụm liên kết ngành trong chuỗi giá trị khu vực nông nghiệp nông thôn” nhằm hỗ trợ tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp. Trong năm 2016, VCCI cũng đã tích cực tham gia ban soạn thảo và tổ chức các hội nghị để tham vấn cho việc xây dựng Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia đóng góp ý kiến về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển DNNVV.

VCCI đã tham mưu chính sách cho Đảng và Chính phủ về phát triển bền vững và triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Một số hoạt động nổi bật gồm: Xây dựng thành công Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững - thước đo giá trị thực sự của doanh nghiệp; Tổ chức Chương trình đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp phát triển bền vững theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ về việc xếp hạng doanh nghiệp bền vững từ năm 2016 nhằm mục đích đề cao và tôn vinh những doanh nghiệp thực hiện tốt phát triển bền vững, qua đó góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy toàn thể cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phấn đấu phát triển toàn diện trên cả 3 lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường; Công bố Bảng xếp hạng doanh nghiệp bền vững năm 2016, 100 doanh nghiệp có tên trong bảng xếp hạng đã được Ban Tổ chức tôn vinh và trao chứng nhận “Doanh nghiệp Phát triển Bền vững năm 2016”.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thúc đẩy thực hiện liên chính trong kinh doanh, VCCI đã phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt với Diễn đàn các nhà Lãnh đạo Doanh nghiệp Quốc tế (IBLF) để hoàn thiện bộ công cụ “Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa ngăn chặn tham nhũng”. Bộ công cụ được xây dựng, thực hiện bởi nhóm các nhà lãnh đạo (B20) thuộc các nước G20 nhằm giúp các doanh nghiệp kiểm soát một trong những thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp trên toàn thế giới đang phải đối mặt, đó là tham nhũng, hối lộ. Bộ công cụ đã được giới thiệu tới các doanh nghiệp và cập nhật trên trang web từ tháng 10/2016.

Trong công tác tôn vinh khen thưởng doanh nghiệp, trong năm 2016, VCCI tặng bằng khen cho 211 tập thể các doanh nghiệp, 385 bằng khen cho các doanh nhân. Tổ chức bình xét và trao giải 100 doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2016 - Cúp Thánh Gióng, đồng thời phát động phong trào thi đua “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”; Công bố bảng xếp hạng 100 doanh nghiệp Phát triển bền vững Việt Nam 2016; Phối hợp tổ chức trao giải “Doanh nghiệp vì người lao động”. Đây là những hoạt động, giải thưởng của VCCI có uy tín, ý nghĩa lớn đối với cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, VCCI cũng đã tham gia hội đồng bình xét giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2015, Hội đồng bình xét Thương hiệu quốc gia 2015.

VCCI đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế, cụ thể là:

- Hỗ trợ doanh nghiệp về các Hiệp định thương mại tự do: Với vai trò đại diện, đầu mối hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp trong các vấn đề thương mại quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do, VCCI cung cấp thông tin, tư vấn cho doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp về WTO và các Hiệp định thương mại quan trọng mà Việt Nam đang tham gia: biên soạn Cẩm nang “Tóm lược Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)”, thực hiện 9 Báo cáo “Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)”, “Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)” trong 9 lĩnh vực. Xây dựng Cổng thông tin về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), tổ chức và phối hợp tổ chức 37 sự kiện về TPP, EVFTA và các chủ đề hội nhập khác, thực hiện 03 điều tra doanh nghiệp về các vấn đề liên quan tới hội nhập, thực hiện 32 bản góp ý - bình luận về các vấn đề hội nhập...

- Cung cấp thông tin, đào tạo, tư vấn và các hỗ trợ khác về hội nhập: 04 Trang web đầu mối cung cấp thông tin pháp lý về hội nhập lớn nhất Việt Nam cho các hiệp hội, doanh nghiệp đã có tổng cộng hơn 44 triệu lượt truy cập, với trung bình 10 tin bài được đăng mới mỗi ngày. Trong năm 2016, VCCI đã biên soạn và phát hành 16 ấn phẩm hội nhập phục vụ doanh nghiệp; thực hiện hàng trăm lượt tư vấn doanh nghiệp qua điện thoại, email....

- Tham gia các đoàn đàm phán về kinh tế - thương mại, các Ủy ban song phương và đa phương về hợp tác kinh tế, các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực như: Tham dự kỳ họp ABAC I tại USA, ABAC II tại Papua New Guinea; Tham dự cuộc họp đánh giá về Báo cáo về xúc tiến giao thương giữa Trung Quốc và các nước ASEAN (CLMV); Tham dự kỳ họp Ban lãnh đạo Hội đồng doanh nghiệp tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS BC); Tham dự kỳ họp Cán bộ liên lạc chuẩn bị cho việc triển khai Hội nghị CABIS lần thứ 13 vào tháng 9/2016 và các Hội nghị về chia sẻ năng lực sản xuất và kết nối kinh doanh xuyên biên giới giữa Trung Quốc và các nước ASEAN; Tham dự kỳ họp lần thứ 4 năm 2016 của Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC (ABAC) và đối thoại giữa thành viên ABAC với Lãnh đạo APEC; Tham dự CEO Summit 2016 tại Lima, Peru. Đồng thời phối hợp với Ban thư ký UBQG APEC 2017 chuẩn bị các nội dung tổ chức các sự kiện APEC 2017 tại Việt Nam, tham vấn các bên trong việc xác định chủ đề, ưu tiên cho APEC CEO Summit 2017.

2.5.4. Về giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp:

VCCI thường xuyên tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát doanh nghiệp hàng năm để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với việc thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách và các biện pháp giảm thiểu chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.

Thông qua công tác tập hợp kiến nghị của doanh nghiệp, VCCI đã đề xuất nhiều chính sách giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp như kiến nghị về giảm

tiền thuê đất, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm phí dịch vụ vận tải đường biển... Các kiến nghị của VCCI đã được các cơ quan ban hành chính sách nghiên cứu tiếp thu, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Là thành viên của Hội đồng tiền lương quốc gia, tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động, VCCI cùng với các Hiệp hội doanh nghiệp kiên trì đối thoại với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tổ chức đại diện cho người lao động các cấp trong việc xây dựng tiền lương tối thiểu vùng hàng năm để bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động. Mức độ tăng lương tối thiểu vùng năm 2017 chỉ ở mức 7,3% thấp hơn nhiều so với năm 2016 đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

VCCI cũng đã kiên trì trong việc đề nghị rà soát, bãi bỏ các giấy phép con, các điều kiện kinh doanh không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và thủ tục hành chính, dành thời gian và nguồn lực tập trung cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.5.5. Về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp:

VCCI đã tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng cấp quốc gia, các hiệp hội đa ngành cấp tỉnh, các trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia để nắm bắt tình hình thực tế của doanh nghiệp nhằm tư vấn tốt hơn về chính sách, môi trường kinh doanh cho Chính phủ thông qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cụ thể như:

- Tiếp tục triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký với các bộ ngành, địa phương, tập trung vào các hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, thối thiểu tiềm năng địa phương, xúc tiến thương mại - đầu tư, hỗ trợ đào tạo, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp.

- Thành lập Tổ công tác pháp chế của Ban chấp hành VCCI để hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết một số vụ việc cụ thể về tranh chấp thương mại, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh hoặc ách tắc, cản trở về thủ tục hành chính.

- Xúc tiến hoạt động đẩy mạnh kết nối, hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp nhằm nâng cao hợp tác, nắm bắt thông tin và kiến nghị về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. VCCI đã tổ chức Hội nghị Hội đồng Trung ương các Hiệp hội Doanh nghiệp, giao ban Hiệp hội Doanh nghiệp tại một số vùng, khu vực trong cả nước (khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực Phía Nam) nhằm đánh giá hoạt động của các Hiệp hội doanh nghiệp năm 2015, 2016 và định hướng một số trọng tâm hoạt động của các năm tiếp theo, đồng thời tập hợp các kiến nghị của các doanh nghiệp thông qua các Hiệp hội doanh nghiệp. Tư vấn, hỗ trợ thành lập mới một số hiệp hội doanh nghiệp, Hội đồng doanh nghiệp như Hiệp hội hàng Việt Nam chất lượng cao Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam, Hội đồng doanh nghiệp

và nhà đầu tư Hải Châu tại Tp. Hồ Chí Minh, Nhóm công tác công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống ...

- Để bảo vệ quyền và lợi ích của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập, VCCI tiếp tục củng cố và duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác truyền thống như WB, TAF, ADB, ILO, USAID, GIZ, GERA, IDRC, các Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán các nước. Tiếp tục tăng cường các mối quan hệ với các cơ quan XTMM của nước ngoài tại Việt Nam, hiện thực hóa nhiều thỏa thuận hợp tác đã ký. Đồng thời VCCI cũng đã ký mới 9 thỏa thuận hợp tác trong năm 2016 với các đối tác nước ngoài nhằm thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và các nước, gồm: Phòng Thương mại, Công nghiệp và Nông nghiệp Tanzania (TCCIA); Liên đoàn các hiệp hội doanh nghiệp Mozambique (CTA); Phòng Thương mại và Công nghiệp Kuwait (KCCI); Liên đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp UAE (FCCI); Cục phát triển Đầu tư và Thương mại Slovakia (SARIO); Ủy ban Xúc tiến Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CCPIT), chi nhánh thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc; Phòng Thương mại Hồng Kông - Việt Nam; Phòng Thương mại Tổng hợp Người Hoa tại Hồng Kông; Hội đồng xúc tiến thương mại Hồng Kông.

Các hoạt động cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp cũng được chú trọng. Trong năm 2016, VCCI tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong các vấn đề liên quan đến phòng vệ thương mại: như vấn đề về pháp lý liên quan đến hội nhập kinh tế, đặc biệt là việc sử dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ tại Việt Nam để bảo vệ lợi ích của các ngành sản xuất trong nước trước hàng nhập khẩu nước ngoài. Trong năm 2016 đã thực hiện 08 gói hỗ trợ lớn (thông tin, tư vấn pháp lý) cho các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam liên quan đến các vụ điều tra phòng vệ thương mại ở trong nước và nước ngoài, phối hợp với Bộ Công thương tổ chức 02 Hội nghị Tổng kết thực thi pháp luật phòng vệ thương mại và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/ NQ-CP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP, HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP

3.1. Tình hình phát triển doanh nghiệp sau 1 năm thực hiện Nghị quyết:

Trong năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2% về số doanh nghiệp và tăng 48,1% về số vốn đăng ký so với năm 2015. Riêng 4 tháng đầu năm đã có thêm 39.580 DN mới thành lập, nâng tổng số doanh nghiệp đã đăng ký thành lập tính đến 30/4/2017 lên 1.090.731 doanh nghiệp. Đáng chú ý là số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể trong năm 2016 đã giảm đáng kể so với năm 2015 với 73.145 doanh nghiệp (giảm 9,5% so với năm 2015), trong đó có 12.478 doanh nghiệp hoàn thành thủ tục giải thể và 60.667 doanh nghiệp gặp khó khăn phải ngừng hoạt động. Đặc biệt có những điểm sáng ở các vùng khó khăn như khu vực Tây Nguyên, nơi có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và số vốn đăng ký kinh doanh đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất so với cả nước.

Kết quả khảo sát về động thái doanh nghiệp do VCCI thực hiện (tháng 11/2016) và do Tổng cục thống kê thực hiện (tháng 8/016), các doanh nghiệp đều đưa ra dự cảm tốt đối với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017. Do việc thu thập số liệu có những độ trễ nhất định nên chỉ có thể đánh giá về một số chỉ số phát triển doanh nghiệp theo thống kê thực tế đến 31/12/2015 và ước tính số lượng doanh nghiệp đang hoạt động cho năm 2016. Kết quả cho thấy doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh chóng trong giai đoạn 2007-2015. Từ con số 149.082 doanh nghiệp đang hoạt động năm 2007, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam năm 2015 đạt 442.486 doanh nghiệp, gấp 3,0 lần so với năm 2007. Tốc độ tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp bình quân trong giai đoạn 2007-2015 đạt 14,8%/năm. Nếu tính cả số doanh nghiệp đăng ký thành lập, ngừng hoạt động, giải thể và quay trở lại hoạt động trong năm 2016, thì đến 31/12/2016 ước có 546.281 doanh nghiệp đang hoạt động.

Ngoài mức tăng trưởng đều về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động, các yếu tố tích cực khác là chỉ số tăng trưởng dương về tổng nguồn vốn, số lượng lao động tương đối ổn định trong giai đoạn 2007-2015. Mặc dù vậy, bên cạnh những kết quả nêu trên vẫn có nhiều tín hiệu cho thấy tính không bền vững trong phát triển DN trong một năm qua cụ thể đó là:

- Nhìn chung, xét về năng lực của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng lao động trong giai đoạn 2007-2015 đã không được cải thiện nhiều mà còn giảm đi, từ 17,3 lần năm 2007 xuống còn 14,2 lần năm 2015. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp cũng ngày càng giảm. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ đã tăng cao trở lại trong giai đoạn 2011-2015 với mức trung bình khoảng 40,9%. Hiệu suất sinh lợi trên tài sản của các doanh nghiệp trong nền kinh tế giảm từ 6,6% năm 2012 xuống còn 3,2% năm 2015.

- Dự cảm của doanh nghiệp năm 2017 về mức cải thiện về “Lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm” hiện đang ở mức thấp nhất so với các chỉ số khác (Năng suất lao động, tổng doanh số..) cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của các DN Việt Nam vẫn đang là một vấn đề lớn khi các sản phẩm Việt Nam sản xuất chưa tạo ra được giá trị gia tăng cao.

- Điểm đáng quan ngại là trong các tháng đầu năm 2017, số lượng doanh nghiệp thành lập mới tuy có tăng nhưng số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể bằng khoảng 1/2 so với số lượng doanh nghiệp mới thành lập. Về thực chất, quy mô doanh nghiệp không có nhiều cải thiện, số lao động trung bình trên một doanh nghiệp dao động khoảng 30 người- thấp hơn rất nhiều so với tiêu chí doanh nghiệp nhỏ (dưới 50 lao động).

- Liên tục trong ba năm liền 2014, 2015 và 2016, khối các doanh nghiệp trong nước liên tục bị lép vế so với khối doanh nghiệp ngoại và xuống dốc trên cả 3 phương diện: (i) Bất luận cán cân thương mại của cả nước thế nào thì DN trong nước triển miên nhập siêu; (ii) Tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu teo tóp dần chỉ còn chiếm 28,4 % trong năm 2016; (iii) Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của khối DN

trong nước luôn thấp hơn so tốc độ tăng trưởng chung, năm 2016 là 4,8% (so với tốc độ chung là 8,6%).

- Do quy mô doanh nghiệp quá nhỏ và thiếu các doanh nghiệp đầu tàu nên ngành công nghiệp hỗ trợ vẫn phát triển ỉ ạch. Các doanh nghiệp FDI chủ yếu nhập các linh kiện và mua nguồn nguyên liệu chủ yếu từ nước ngoài hoặc từ mạng lưới sẵn có, “góp phần” đáng kể cho việc thâm hụt cán cân thương mại và chuyển giá. Nghịch lý là tỷ lệ doanh nghiệp FDI thua lỗ vẫn cao nhất so với khối DN nhà nước và ngoài nhà nước, nhưng các nhà đầu tư vẫn coi Việt Nam là địa điểm đầu tư hấp dẫn và các chỉ số về hiệu suất sinh lời trên tài sản của khu vực FDI vẫn là cao nhất so với các khu vực DN còn lại.

- Năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị công ty của các DN Việt Nam còn rất hạn chế. Sự yếu kém về quản trị cũng làm cho doanh nghiệp Việt Nam “chậm lớn”, đông về số lượng, nhưng yếu kém về chất lượng. Việc Việt Nam mới có khoảng 700 DN niêm yết trên thị trường chứng khoán và với việc áp dụng các thực tiễn tốt về quản trị công ty ở mức rất hạn chế so với ASEAN 4 đang là một thách thức lớn để các DN Việt Nam xây dựng được niềm tin đối với các nhà đầu tư, đối tác kinh doanh của mình và phát triển thương hiệu.

Nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển doanh nghiệp như đã nêu trên có thể xuất phát từ sự yếu kém trong phát triển của các thị trường: Thị trường các yếu tố (đất đai, lao động, công nghệ, tài chính) và thị trường hàng hóa (hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa công nghiệp). Nghị quyết 35/ NQ-CP là một trong những công cụ hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia và hoạt động trên các thị trường này một cách hiệu quả, tuy nhiên với thời gian 1 năm thực hiện, khó có thể đưa ra kết luận chính xác về tác động của nó tới kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả tích cực ban đầu có thể nhìn thấy đó là Nghị quyết 35/ NQ-CP đã tạo niềm tin của doanh nghiệp vào thị trường.

3.2. Tình hình thực hiện nghị quyết 35 của các hiệp hội doanh nghiệp và các doanh nghiệp

3.2.1. Đánh giá của chính quyền địa phương về hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp:

Theo thống kê sơ bộ hiện nay trên cả nước có gần 460 hiệp hội doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 130 hiệp hội doanh nghiệp đa ngành, hiệp hội ngành nghề hoạt động trên phạm vi toàn quốc và khoảng 330 hiệp hội hoạt động ở cấp vùng, tỉnh/ thành phố và một số ít hoạt động ở cấp huyện/ thị xã.

Trong tháng 3 năm 2017, VCCI đã tiến hành khảo sát trên cơ sở báo cáo đánh giá của các UBND các tỉnh/thành phố về việc thực hiện Nghị quyết 35/ NQ-CP. Kết quả tổng hợp cho thấy bức tranh chung dưới đây về số lượng và hiệu quả hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp:

Tổng số các hiệp hội doanh nghiệp đang hoạt động tại 63 tỉnh/ thành phố là 337 hiệp hội, trong đó có:

- 52 Tỉnh/ TP có Hiệp hội doanh nghiệp
- 55 Tỉnh/ TP có Hiệp hội doanh nhân trẻ
- 21 Tỉnh/ TP có Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (Tập trung chủ yếu ở khu vực phía Bắc).

Số còn lại là các Hiệp hội doanh nhân nữ, Hiệp hội doanh nghiệp thuộc các ngành nghề v.v..

Theo đánh giá của các cơ quan chính quyền địa phương, về hoạt động phối hợp với Chính quyền tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, có khoảng 3/4 số hiệp hội doanh nghiệp đã thực hiện việc này ở mức độ “tốt”, 21% ở mức độ “trung bình” và khoảng 5 % ở mức độ “yếu”; Hoạt động tham gia phản biện chính sách của các doanh nghiệp ở cấp địa phương được Chính quyền đánh giá ở mức độ “tốt” cho 71% số hiệp hội doanh nghiệp; Mức độ “trung bình” cho 24% số hiệp hội được khảo sát. Qua khảo sát có thể thấy các hiệp hội doanh nghiệp nhất là 52 hiệp hội doanh nghiệp cấp Tỉnh/Thành phố đã phát huy tốt vai trò của mình đối với hội viên. Tuy nhiên, một số hiệp hội doanh nghiệp theo quy mô, giới và các hiệp hội doanh nghiệp ở cấp huyện chưa phát huy được chức năng đại diện cho hội viên, không có nhiều hoạt động hỗ trợ hội viên, hoạt động còn mang nặng tính hình thức, phong trào.

3.2.2. Các doanh nghiệp về tự đánh giá về việc thực hiện Nghị quyết:

Kết quả khảo sát hơn 1000 doanh nghiệp của VCCI vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 cho thấy, có khoảng 80% ý kiến doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp mình đã thực hiện “tốt” và “khá tốt” các nhiệm vụ trong Nghị quyết như: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; Tăng cường và giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; Đẩy mạnh tái cơ cấu, liên kết, hợp tác kinh doanh; Nâng cao năng lực quản trị, năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh.

Mặc dù vậy, mức độ thực hiện một số nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng lại chưa được tốt, đặc biệt là đối với việc tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Chỉ có 30,5% ý kiến của doanh nghiệp cho rằng họ đã thực hiện tốt nội dung này. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang cận kề thì đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Việc chủ động hợp tác, liên kết của các doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực, quy mô, địa bàn... dưới sự hỗ trợ, chấp môi của các hiệp hội doanh nghiệp còn hạn chế, hiệu quả thấp.

Nguyên nhân chính của tồn tại, hạn chế nêu trên là do nhận thức và tính chủ động của một bộ phận doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ về các thách thức của cạnh tranh, hội nhập chưa cao. Mặt khác, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, cùng với việc các điều kiện kinh doanh còn chưa thuận lợi, các hiệp

hội doanh nghiệp chưa hỗ trợ được nhiều vì hạn chế về nguồn lực thì bản thân doanh nghiệp cũng gặp khá nhiều khó khăn, lúng túng trong việc triển khai các nhiệm vụ nêu trên.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Qua việc triển khai Nghị quyết 35/NQ-CP của VCCI và nắm bắt tình hình triển khai tại các bộ ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cho thấy:

- Việc ban hành Nghị quyết 35 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trong thời gian ngắn “kỷ lục”, với các mục tiêu nguyên tắc, nhiệm vụ giải pháp hiệu quả, khả thi và phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đã thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn, thân thiện nhằm xây dựng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững.

- Nghị quyết 35/NQ-CP là nghị quyết toàn diện, có tầm nhìn dài hạn, mang tính chất đột phá về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thể hiện sự quyết liệt của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn, thân thiện nhằm xây dựng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững. Nghị quyết nhận được sự quan tâm hưởng ứng tích cực của các bộ ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

Các nhiệm vụ, giải pháp đưa ra trong Nghị quyết là những giải pháp dài hạn, cả nhiệm kỳ, cần có thêm thời gian để thấy rõ những tác động tích cực, những mặt hạn chế, tuy vậy qua kết quả khảo sát nhanh của VCCI vào cuối năm 2016 đầu năm 2017 cho thấy có 75% doanh nghiệp đánh giá tác động của 5 nhóm nhiệm vụ giải pháp được đưa ra trong nghị quyết là “tương đối tích cực”, “tích cực” và “rất tích cực”, chỉ có 25% doanh nghiệp cho biết chưa nhận thấy tác động của các nhóm giải pháp này (Xem chi tiết ở phần Phụ lục của Báo cáo).

Một số kết quả cụ thể của việc triển khai nghị quyết như sau:

- Sau khi Nghị quyết được ban hành, các bộ, ngành đã tích cực vào cuộc, mục tiêu rõ ràng đặt ra là ban hành và thực hiện các giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp. Rất nhiều giải pháp đã được bàn thảo, ban hành và thúc đẩy thực hiện. Hoạt động đáng chú ý nhất là các bộ đã chủ động rà soát, đề xuất bãi bỏ, đơn giản hoá nhiều điều kiện kinh doanh vốn được quy định tại cấp thông tư; Ban hành gần 50 nghị định về điều kiện kinh doanh nhằm thực hiện quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp 2014. Tinh thần của Nghị quyết 35 đã tác động trực tiếp đến kết quả quá trình rà soát này. Những rườm rà, cân nhắc khi đơn giản hoá, bãi bỏ thủ tục hành chính của chính các bộ ngành đã giảm bớt rất nhiều. Các cuộc đối thoại, rà soát những cản trở kinh doanh trong nhiều lĩnh vực đã được tổ chức, gần đây nhất (ngày 13/5/2017) là cuộc đối thoại trực tiếp với các bộ, ngành về những vướng mắc liên quan đến quản lý của các Bộ: Y tế, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường về tiêu

chuẩn nước thải; quy định an toàn thực phẩm; phí, lệ phí trong lĩnh vực nông nghiệp. Chỉ thị 17/CT-TTg ngày 9/5/2017 của Thủ tướng về tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo đã tháo gỡ cơ bản những kiến nghị mà Hiệp hội các doanh nghiệp quảng cáo đưa ra gần đây.

- Một số bộ ngành đã khởi động nhiều chương trình lớn, quan trọng với doanh nghiệp, đơn cử như: Bộ Tài chính đã thực hiện cải cách quyết liệt trong lĩnh vực thuế, hải quan, Bảo hiểm xã hội. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các Ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất cho vay hợp lý, giảm bớt thủ tục vay vốn, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng. Bộ Công an đã tích cực triển khai áp dụng visa điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, thu hút đầu tư. Bộ Công Thương sau khi rà soát, công bố kết hoạch cắt giảm hơn trăm thủ tục hành chính, trong năm 2016 vừa qua đã chủ động bãi bỏ thông tư 37 về formaldehyde với dệt may, bỏ thủ tục dán nhãn năng lượng, bỏ quy hoạch xuất khẩu gạo... và đang lên kế hoạch bãi bỏ, đơn giản hóa rất nhiều thủ tục khác. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thời gian qua đã mạnh dạn đối thoại và đề xuất cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Đa số các tỉnh, thành phố đã thực sự vào cuộc tích cực, hưởng ứng cùng Chính phủ. Một số địa phương đi đầu trong việc triển khai nghị quyết như Thành phố Hà Nội, Quảng Ninh, Thành phố Đà Nẵng, Đồng Tháp. Hà Nội đã triển khai Công dịch vụ công trực tuyến, giảm thời gian cấp phép xây dựng từ 30 ngày xuống 10 ngày, thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 30 ngày xuống 14 ngày. Thành phố Đà Nẵng đi đầu trong việc xây dựng mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, xử lý thủ tục hành chính không giới hạn theo giờ hành chính cho đến khi hết công việc. Đồng Tháp đi tiên phong trong cơ chế đối thoại, giải quyết khó khăn vướng mắc, hỗ trợ cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, duy trì “cà phê doanh nhân” hàng tuần với doanh nghiệp.

Các hoạt động đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp (một chỉ tiêu quan trọng được giao trong Nghị quyết 35) được thực hiện thường xuyên tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Theo khảo sát của VCCI, 57% doanh nghiệp cho biết các tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp hoạt động có tổ chức các buổi gặp mặt, đối thoại công khai với doanh nghiệp, 58% cho biết các tỉnh, thành phố có thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử để tiếp nhận phản ánh, hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp.

Nhìn chung, việc thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở về tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghị quyết 35/NQ là một tiến bộ quan trọng, đáng ghi nhận.

- Tất cả các địa phương đã chủ động hoàn tất việc ký kết với VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh. Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của Nghị quyết 35 là tăng số lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và các địa phương đã tập trung nhiều nguồn lực thực hiện nhiệm vụ này. Điều này đã đóng góp quan trọng vào số lượng doanh nghiệp thành lập mới

kỷ lục năm vừa qua, trên 110.000 doanh nghiệp, cao nhất về số lượng từ trước đến nay với số vốn đăng ký đạt 891.000 tỷ đồng tăng gần 49% so với cùng kỳ, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động hơn 26.600 doanh nghiệp, tăng 43%. VCCI đánh giá đây là một hiệu ứng ban đầu hết sức tích cực thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 35/NQ-CP

- Các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã ban đầu được hưởng lợi từ việc ban hành và thực hiện Nghị quyết. Các nguyên tắc quan trọng của Nghị quyết như “*Các cơ quan quản lý nhà nước khi ban hành và thực thi chính sách phải bảo đảm xác định rõ mỗi nhiệm vụ có một đầu mối và người chịu trách nhiệm*”, “*Không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự, đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật*”, “*Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm*”... đã có tác động rất lớn đến bộ máy cơ quan Nhà nước các cấp, không chỉ cơ quan hành pháp mà kể cả hệ thống tư pháp. Điều đặc biệt, nhiều doanh nghiệp cho biết đã gặp thuận lợi hơn trong thực hiện thủ tục hành chính từ những giải pháp rất cụ thể của Nghị quyết như “*kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng*” hay “*giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo nguyên tắc khi cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì thông báo một lần bằng văn bản cho doanh nghiệp, nhà đầu tư về toàn bộ các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung đối với mỗi bộ hồ sơ*”. Từ đây doanh nghiệp đã mạnh dạn có quyền nêu ý kiến của mình khi đón tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra hay thực hiện thủ tục hành chính. Mặc dù những tinh thần và quy định này chưa được thực hiện đều khắp ở các địa phương, bộ ngành nhưng bước đầu đã tạo ra những hiệu ứng hết sức tích cực.

- Báo chí và các phương tiện truyền thông đã dành cho Nghị quyết 35 /NQ-CP sự đánh giá cao. Đã có rất nhiều bài báo, bản tin đăng tải về Nghị quyết kể từ khi ban hành đến nay, vừa thúc đẩy các cơ quan Nhà nước thực hiện nghiêm túc vừa cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để vận dụng.

Tuy nhiên, sau gần 1 năm việc triển khai thực hiện nghị quyết còn một số tồn tại, hạn chế chính như sau:

- Mặc dù công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Nghị quyết đã được các bộ ngành, địa phương, VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp triển khai sớm, nhưng chưa đến được cấp cơ sở (quận huyện, xã phường) và doanh nghiệp. Còn nhiều doanh nghiệp chưa biết đến Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhưng chuyển động của một số bộ ngành, địa phương còn chậm. Một số bộ ngành vì lợi ích cục bộ, chưa thực sự thay đổi về nhận thức, cơ chế chính sách phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp. Một số bộ ngành chưa tích cực, chủ động trong việc triển khai xây dựng các đề án về cải cách hành chính theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ. Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh, triển khai

xây dựng Đề án được giao còn chậm so với tiến độ đề ra. Một số chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chậm được triển khai thực hiện.

- Một số chỉ tiêu quy định trong Nghị quyết còn chưa đạt yêu cầu. Kết quả khảo sát của VCCI cho thấy có 37% số doanh nghiệp thuộc diện khảo sát được thanh tra, kiểm tra trong năm 2016. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 13,8% doanh nghiệp bị kiểm tra từ 4 lần trở lên trong năm 2016. Trong những doanh nghiệp có từ 2 cuộc kiểm tra trở lên, có 52,4% lượt doanh nghiệp cho rằng nội dung của các cuộc kiểm tra có những nội dung giống nhau. Đáng chú ý là các đợt kiểm tra chuyên ngành, nhất là đối với DN chế biến thực phẩm đang trở thành gánh nặng do phải chịu giám sát của nhiều bộ ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công Thương và các cấp chính quyền địa phương. Cá biệt có những trường hợp doanh nghiệp bị kiểm tra 9 lần trong một năm, cho dù nội dung không giống nhau nhưng đã gây áp lực rất lớn tới doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong thời gian tới, các cần tăng cường việc kế thừa kết quả kiểm tra giữa các cơ quan để giảm bớt sự chồng chéo trong nội dung kiểm tra.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai Nghị quyết 35/NQ-CP trong thời gian tới, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề xuất, kiến nghị một số nội dung cụ thể sau đây:

5.1. Bổ sung nhóm giải pháp liên quan đến hoàn thiện thể chế kinh tế vĩ mô: Tập trung vào việc rà soát, loại bỏ các quy định cho phép các cơ quan Nhà nước can thiệp quá sâu vào các thị trường như: thị trường đất đai, thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường công nghệ, thị trường công nghiệp, cụ thể:

- Xem xét đề xuất với Quốc hội sửa đổi Luật Đất đai, theo hướng xác lập quyền tài sản của người dân đối với đất đai và các tài sản trên đất; Bảo đảm việc chuyển đổi công năng sử dụng đất một cách nhanh chóng; Hỗ trợ tích tụ đất đai với cơ chế giá do thị trường quyết định. Trước mắt, Nhà nước phải xử lý nghiêm các trường hợp quy hoạch treo dẫn đến cản trở công việc kinh doanh của doanh nghiệp, có cơ chế linh hoạt điều chỉnh giá thuê đất phù hợp với khả năng sinh lợi.

- Không hành chính hóa các tổ chức kinh doanh như Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Nghị định, Quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, hiện đang khóa cho các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trách nhiệm như một cấp quản lý hành chính đất đai trung gian mà đáng lẽ đó là việc của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Xây dựng cơ chế thông tin hiệu quả để thúc đẩy thị trường lao động, theo đó chú trọng việc thu hút lao động từ nông nghiệp cũng như đào tạo công nhân làm việc trong nông nghiệp công nghệ cao.

- Có cơ chế tạo điều kiện mở rộng nguồn vốn dài hạn và trung hạn, tạo điều kiện cho các DN đầu tư vào đổi mới công nghệ.

- Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức trung gian, phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh để hỗ trợ cho thị trường công nghệ và thị trường công nghiệp (công nghiệp phụ trợ).

5.2. Tiếp tục thực hiện 05 nhóm giải pháp đã được đề ra tại Nghị Quyết trên cơ sở các đề xuất và kiến nghị của các doanh nghiệp như sau:

5.2.1. Về cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp:

- **Các kiến nghị chung:** Đề xuất Nhà nước phải cần có giải pháp mạnh mẽ hơn, mang tính chất đột phá để cải cách thủ tục hành chính cũng như trong việc tổ chức, triển khai, giám sát thực hiện mô hình một cửa, trung tâm hành chính công; Cải tiến hình thức tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp với chính quyền địa phương; Nghiên cứu thấu đáo và giải quyết triệt để các vướng mắc của doanh nghiệp một cách kịp thời, thỏa đáng, tránh tình trạng bao biện “giải thích” nhiều mà “không giải quyết”.

- Các kiến nghị cụ thể:

+ Tiếp tục cải tiến các thủ tục về: báo cáo thuế, sử dụng hóa đơn, quyết toán thuế, truy thu thuế, phạt thuế, thanh tra, giải quyết khiếu nại thuế đối với doanh nghiệp. Một số thủ tục được xây dựng có mục tiêu mang tính chất “đề phòng gian lận” cần chuyển sang thành “hậu kiểm”, hơn là bắt tất cả các doanh nghiệp làm ăn trung thực phải thực hiện.

+ Xây dựng phong cách làm việc có văn hóa; Giáo dục ý thức phục vụ doanh nghiệp cho các cán bộ nhà nước, đặc biệt là ở một số ngành có liên quan trực tiếp, hàng ngày đến doanh nghiệp như: thuế, hải quan, kho bạc, xây dựng, đất đai, thanh tra, kiểm tra, môi trường...

+ Thực hiện một số kiến nghị về cải cách hành chính nhằm hỗ trợ phát triển ngành du lịch như: Xem xét miễn visa cho công dân các nước là thị trường trọng điểm của Du lịch Việt Nam; Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động hoạt động lữ hành và lưu trú; Điều chỉnh quy định về thời gian vui chơi giải trí ở các khu công cộng cũng như các dịch vụ vui chơi giải trí trong cơ sở lưu trú du lịch.

+ Một số kiến nghị trong lĩnh vực quảng cáo: Các bộ ngành, địa phương cần sớm triển khai thực hiện Chỉ thị 17/CT-TTg ngày 9/5/2017 của Thủ tướng về tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo, nhất là các vấn đề doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho quảng cáo; Quy hoạch quảng cáo; Xác nhận nội dung quảng cáo; Quy tắc ứng xử trong hoạt động quảng cáo.

5.2.2. Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:

- **Các kiến nghị chung:** Đề nghị các địa phương phải thực sự coi trọng và tiến hành có hiệu quả hoạt động khởi sự doanh nghiệp, đồng thời hạn chế những hoạt động có tính chất “phong trào”. Cần đa dạng hóa và sáng tạo trong phát triển các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Nhanh chóng quy hoạch và

xây dựng các cụm công nghiệp quy mô nhỏ tại các khu vực, địa phương; Thúc đẩy hoạt động của Quỹ phát triển khoa học - công nghệ quốc gia; Tiếp tục khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp chính thức nhưng phải dựa trên nhu cầu và khả năng của chính bản thân hộ kinh doanh cá thể.

Chính phủ cần bổ sung quy định về việc công nghệ, sản phẩm của doanh nghiệp KHCN khi đã qua kiểm định cần được ưu tiên sử dụng tại các dự án mua sắm của Chính phủ; Ưu tiên sử dụng công nghệ trong nước trong các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước; Hoàn thiện các quy định hướng dẫn triển khai các chính sách, ưu đãi đối với các doanh nghiệp KHCN về tài chính, xuất nhập khẩu, đầu tư; Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, cập nhật hệ thống tiêu chuẩn kiểm định lưu hành sản phẩm; Hạn chế nhập khẩu công nghệ cũ của nước ngoài; Hướng dẫn doanh nghiệp KHCN đăng ký và công bố tiêu chuẩn được phép lưu hành.

- Các kiến nghị cụ thể:

+ Xem xét xây dựng Chương trình cho vay đổi mới công nghệ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa với lãi suất và thời gian hoàn vốn phù hợp để giúp doanh nghiệp thay đổi công nghệ hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh của Việt Nam.

+ Đề nghị Chính phủ nghiên cứu phát huy hiệu quả các Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV; Đặc biệt cần rà soát lại cơ chế quản lý cũng như thủ tục tiếp cận các Quỹ này, đảm bảo hỗ trợ DN kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh; Cải tiến thủ tục giải ngân từ các Quỹ: hạn chế sự không nhất quán về thủ tục giải ngân từ các nguồn (qua kho Bạc Nhà nước và qua Ngân hàng thương mại) khi tài trợ cho cùng một dự án.

+ Nhà nước nghiên cứu hỗ trợ Ngân hàng và các doanh nghiệp triển khai gói tín dụng ưu đãi khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao một cách hợp lý, phù hợp với cơ chế thị trường. Cần có sự kết hợp với các giải pháp hỗ trợ đặc biệt để hình thành nên những chuỗi liên kết giữa nông dân với những doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực như Logistics, chế biến và phân phối sản phẩm, hạn chế tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc, quy hoạch sản xuất nông nghiệp thiếu kiểm soát và sản xuất tràn lan, quanh năm “giải cứu”.

5.2.3. Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp:

- Các kiến nghị chung:

+ Đề nghị các bộ, ngành và cơ quan có liên quan cần tăng cường đối thoại chính sách giữa doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước; Đảm bảo luôn đăng tải công khai các thông tin trong quá trình xây dựng pháp luật; Thực hiện nghiêm túc việc tham vấn các đối tượng chịu tác động và tham vấn chuyên gia; Tăng cường chất lượng và sự tham gia của cán bộ pháp chế các bộ ngành trong xây dựng pháp luật.

+ Rà soát sửa đổi Nghị định 210 về thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Tập trung tháo gỡ các chính sách về đất đai, liên kết theo chuỗi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ sạch, khai thác và kiểm soát nguồn nước.

+ Hạn chế các doanh nghiệp không có đủ năng lực tài chính đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư.

+ Xóa bỏ mọi quan ngại và các cản trở về việc doanh nghiệp tư nhân, DNNVV bị phân biệt đối xử trong quá trình hoạt động so với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI và DNNN có xu hướng ngày càng gia tăng.

+ Đề nghị giao nhiệm vụ cho các Hiệp hội doanh nghiệp trên cơ sở cạnh tranh bình đẳng, theo đúng chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ hoạt động đã được Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các hiệp hội doanh nghiệp có cùng chức năng, nhiệm vụ.

+ Ưu tiên vốn cho các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia về cơ sở hạ tầng đã có cam kết của Chính phủ nhưng chưa giải ngân kịp thời, gây khó khăn cho Chủ đầu tư.

- Các kiến nghị cụ thể:

Về thi hành Luật Doanh nghiệp 2014: Giải quyết các vướng mắc về quyền thành lập hộ kinh doanh; Về việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.

Về Luật Đầu tư: Xử lý việc nhà đầu tư phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Làm rõ các quy định về xử lý các dự án chuyển tiếp, về bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; Đề xuất thêm hình thức bảo đảm thông qua bảo lãnh của ngân hàng thương mại.

Về trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại các Luật khác nhau, cụ thể như sau:

+ Về thủ tục đánh giá tác động môi trường: Mâu thuẫn về trình tự thủ tục giữa các quy định tại Nghị quyết 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ và Luật Bảo vệ môi trường.

+ Về thủ tục phòng cháy chữa cháy: Mâu thuẫn về trình tự thủ tục giữa các quy định tại Luật Đầu tư 2014 và Luật Phòng cháy và chữa cháy.

+ Về thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Đề nghị sửa đổi Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/2/2007 của Chính phủ cho thống nhất với quy định của Luật Đầu tư 2014.

+ Đề nghị xem xét quy định thống nhất về hình thức đấu thầu lựa chọn Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (giữa Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ).

+ Khuyến khích điện bã mía: đề nghị xem xét điều chỉnh lại giá điện đồng phát từ bã mía của các nhà máy đường đầu tư đầu nối lưới điện được tính một giá thống nhất là giá điện sinh khối mà không phân thành hai loại giá như hiện nay.

Về thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV:

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý để thúc đẩy nhanh tiến độ giải ngân Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV, đảm bảo công khai, minh bạch.

+ Có cơ chế khuyến khích cá tổ chức cá nhân, doanh nghiệp lớn đóng góp tài chính cho Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý Quỹ.

+ Tăng cường vai trò của các Ngân hàng thương mại trong việc tham gia hình thành và triển khai hệ thống bảo lãnh tín dụng cho DNNVV vì xét cho cùng, nhờ có hệ thống này mà dư nợ của các Ngân hàng thương mại cho DNNVV vay được gia tăng.

Kiến nghị Thủ tướng chỉ đạo các Bộ ngành sửa đổi hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi một số điều của các quy định pháp luật cụ thể:

1) Bãi bỏ điểm c, khoản 3, Điều 24 của Nghị định 60/2014/NĐ-CP quy định về hoạt động in với nội dung: Hạn chế các cơ sở in không được hợp tác với các cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in do mình đã nhận hợp tác;

2) Bãi bỏ khoản 8 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động với nội dung: Yêu cầu hợp đồng lao động lập thành văn bản phải có nội dung trang bị bảo hộ lao động cho người lao động: Ghi cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng và thời hạn sử dụng của từng loại trang bị bảo hộ lao động theo quy định của người sử dụng lao động;

3) Bãi bỏ khoản 6, Điều 6 của Thông tư số 15/2015/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu với nội dung: Khi cột đo xăng bị hư hỏng phần thiết bị có kẹp chì, chỉ được thuê cơ sở khác sửa chữa nếu được cơ sở sản xuất, nhập khẩu, cung cấp phương tiện đo đồng ý;

4) Bãi bỏ khoản 1 Điều 7 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp với nội dung: Yêu cầu doanh nghiệp phải ghi mã ngành cấp bốn khi làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư;

5) Bãi bỏ khoản 2 Điều 49, Điều 50, 51, 52, 53, 54 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp với nội dung: Cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp;

6) Sửa đổi Điều 25 Nghị định 83/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2015 quy định về đầu tư ra nước ngoài, chuyển thủ tục chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài từ chỗ phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước thành thủ tục thông báo;

7) Bãi bỏ Điều 27 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in với nội dung: Cấp giấy phép nhập khẩu cho một số máy móc, thiết bị gia công sau in;

8) Bãi bỏ khoản 2 Điều 79 Luật công chứng năm 2014 với nội dung: Yêu cầu văn phòng công chứng phải thay đổi tên gọi khi thay đổi trụ sở;

9) Yêu cầu điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở in; (Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in với nội dung:

10) Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư 57/2015/TT-BCA hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo hướng không yêu cầu trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy đối với xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống;

11) Bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật với nội dung: Hạn chế đăng ký hàm lượng hoạt chất đối với mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật;

12) Bãi bỏ khoản 4 Điều 15 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in với nội dung: Yêu cầu về trách nhiệm ghi chép thông tin của các doanh nghiệp in;

13) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in với nội dung: Cấm sử dụng máy photocopy màu vào mục đích kinh doanh;

14) Bãi bỏ khoản 1 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 16/3/2015 hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu với nội dung: Áp đặt điều kiện nhập khẩu của hàng hóa có nguồn gốc thực vật dựa trên điều kiện của nước xuất khẩu có đăng ký nhập khẩu với Việt Nam;

15) Bãi bỏ khoản 1 Điều 24 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/9/2012 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với nội dung: Hạn chế tỷ lệ học sinh của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài;

16) Bãi bỏ khoản 3 Điều 10 Nghị định 30/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/4/2014 về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển với nội dung: Yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển phải có bộ phận pháp lý;

17) Bãi bỏ điều 1 Thông tư số 20/2011/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 12/5/2011 quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống với nội dung: Thương nhân nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống phải có giấy ủy quyền của chính hãng sản xuất. Xây dựng Nghị định về điều kiện kinh doanh ô tô phù hợp để bảo vệ sản xuất ô tô trong nước và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và phù hợp trong nhập khẩu ô tô;

18) Bãi bỏ khoản 4 Điều 15, khoản 4 Điều 16, khoản 7 Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/9/2015 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô với nội dung: Điều kiện về số lượng xe tối thiểu trong lĩnh vực vận tải hành khách bằng ô tô;

19) Bãi bỏ khoản 1 Điều 59, Điều 60 Luật kế toán năm 2015 với nội dung: Điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (1) doanh nghiệp không phải là công ty cổ phần và (2) người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn phải là kế toán viên hành nghề;

20) Bãi bỏ Điều 3, 4, 5 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 19/8/2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội với nội dung: Điều kiện được thiết lập mạng xã hội;

21) Bãi bỏ Điều 72 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp với nội dung: Yêu cầu hộ kinh doanh buôn chuyển, kinh doanh lưu động phải thông báo với cơ quan thuế, cơ quan quản lý thị trường nơi đăng ký trụ sở và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh;

22) Sửa đổi Điều 106, Bộ luật lao động năm 2012 theo hướng tăng thời gian làm thêm giờ tối thiểu của người lao động.

5.2.4. Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp:

- *Kiến nghị chung:* Do mặt bằng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng hiện nay ở mức cao, do vậy Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, giảm trừ thuế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định đầu tư, phát triển trong thời kỳ khó khăn hiện nay; Vận dụng linh hoạt các phương thức bảo đảm tiền vay; Cân nhắc việc tăng lương tối thiểu vùng phù hợp với sức chịu đựng của doanh nghiệp; Nâng cao tay nghề cho người lao động để tăng năng suất, giảm chi phí lao động, nhất là đối với các ngành đang sử dụng nhiều lao động hiện nay như Dệt – May, Da- Giày....

- Kiến nghị cụ thể:

+ Tiếp tục đề nghị Quốc hội xem xét ra Nghị quyết ban hành một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp.

+ Sửa đổi Luật lao động quy định linh hoạt về số giờ làm thêm, đảm bảo lợi ích của cả người lao động và doanh nghiệp thay vì hạn chế ở 30 giờ mỗi tháng, 200 giờ mỗi năm như hiện nay.

+ Xem xét giảm bớt các mức đóng góp của Người sử dụng lao động: mức đóng BHXH bắt buộc (cả 5 chế độ) hiện này là 22% (khả năng giảm xuống còn 21%) – là mức phí vẫn cao so với các nước trong khu vực ASEAN.

+ Căn cứ đóng BHXH từ năm 2018 dựa trên tổng các khoản thu nhập của người lao động cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, kiến nghị lùi thời hạn thực hiện chính sách này đến năm 2020 và xem xét nghiên cứu lại chính sách này.

+ Đề nghị các địa phương nhanh chóng có động thái giảm giá thuê đất.

+ Sửa đổi chính sách về đất đai cho phép các doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp (trong trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm) và doanh nghiệp thứ cấp được phép thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng và huy động vốn dài hạn; Tạo cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cho phép áp dụng thời hạn thanh toán tiền thuê đất linh hoạt để phù hợp với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Miễn giảm thuế đất cho các dự án đầu tư du lịch có hệ số sử dụng đất xây dựng thấp.

+ Đề nghị Bộ Công Thương ban hành ngay thông báo tính giá điện, giá nước cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch theo giá điện của các cơ sở sản xuất.

+ Đề nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc miễn thuế nhập khẩu các trang thiết bị khách sạn, các phương tiện chuyên vận chuyển khách du lịch mà trong nước không sản xuất được.

+ Thống nhất khung biểu phí chung để các tỉnh/thành phố xác định phí bảo vệ môi trường một cách hợp lý, tránh tình trạng có sự chênh lệch quá lớn giữa các địa phương, hoặc giữa các địa bàn có cùng điều kiện như nhau; Thực hiện công khai minh bạch cơ chế sử dụng nguồn thu phí bảo vệ môi trường.

5.2.5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp:

- Kiến nghị chung:

+ Tiếp tục rút ngắn thời gian, thủ tục phá sản doanh nghiệp; Nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự; Xây dựng các chế tài đủ mạnh để răn đe các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm bản quyền SHTT.

+ Cần điều tra, xử lý kịp thời đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái. Đảm bảo chặt chẽ quy trình nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát, không trùng lặp cũng như không bỏ hờ, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân kinh doanh và cản trở lưu thông hàng hóa.

+ Phát huy vai trò của VCCI và các hiệp hội ngành nghề trong việc bảo vệ doanh nghiệp; Phối hợp với các bộ ngành liên quan kiểm tra, phát hiện những hành vi gian lận thương mại, đảm bảo uy tín ngành và thương hiệu hàng hóa Việt Nam.

- *Kiến nghị cụ thể:*

+ Cải tiến công tác kiểm tra các cơ sở lưu trú du lịch, tránh tình trạng kiểm tra nhiều lần, nhất là kiểm tra vào thời gian từ 23h giờ trở đi.

+ Tăng cường vai trò của thiết chế ba bên trong quan hệ lao động; Phát huy hiệu quả các biện pháp hòa giải, trọng tài, đặc biệt trong việc giải quyết tranh chấp lao động tập thể và đình công; Đổi mới hoạt động của tổ chức công đoàn ở doanh nghiệp; Tiếp tục nâng cao chất lượng của hoạt động đối thoại, thương lượng và thỏa ước lao động tập thể.

+ Đưa các hoạt động về tranh chấp lao động và đình công vào đúng hành lang pháp luật qui định để tránh đình công bất hợp pháp. “Chuẩn hóa” quá trình giải quyết các cuộc đình công.

+ Có chế tài bảo vệ lợi ích chính đáng của DN khi ký hợp đồng với nông dân. Mặc dù ký kết hợp đồng là do chính quyền địa phương hỗ trợ nhưng khi giá lên, nông dân bán ra ngoài, thì doanh nghiệp bất lực/khó mà khởi kiện theo hợp đồng và chính quyền lại đứng ngoài cuộc.

5.3. Hoàn thiện công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 35:

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo quyết liệt hơn đối với một số nhiệm vụ liên quan đến thực hiện Nghị quyết thông qua việc tổ chức có hiệu quả Hội nghị doanh nghiệp với Thủ tướng năm 2017 và ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc Nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết 35/ 2016 của Chính phủ. Cần tiếp tục triển khai các Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết 35 từ năm 2017 và các năm tiếp theo để củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp về một chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động, hỗ trợ doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

- Rà soát, chỉ đạo để các bộ ngành, địa phương nghiêm túc triển khai nghị quyết, nhất là việc xây dựng và tổ chức Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết theo đúng yêu cầu, tránh đối phó, hình thức. Đối với nhóm nhiệm vụ giảm chi phí kinh doanh, đề nghị Chính phủ tập trung vào giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến giảm chi phí tiếp cận mặt bằng sản xuất, thuế đất, lệ phí giao thông v.v...

- Đề triển khai hiệu quả các mục tiêu, nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 35; đề nghị Chính phủ khẩn trương xây dựng các Nghị định hướng dẫn thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV (nếu được thông qua tại kỳ họp III Quốc hội khóa XIV) đảm bảo các Chương trình hỗ trợ phải đáp ứng đúng như cầu của DNNVV; phát huy mạnh mẽ vai trò của VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp trong việc triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ khởi nghiệp, lập nghiệp, phát triển DNNVV.

- Các bộ ngành, địa phương cần thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao trong nghị quyết. Các bộ ngành cần nghiên cứu các vướng mắc của doanh nghiệp một

cách triệt để và có hệ thống, hạn chế các vướng mắc tương tự phát sinh. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp theo chuyên ngành. Cần tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của sự việc và cân nhắc đưa ra điều kiện chính sách thuận lợi phù hợp hơn cho doanh nghiệp, thay vì chỉ dừng lại ở việc giải thích chính sách (chưa phải là giải quyết vướng mắc). Cần có chế tài đối với các trường hợp chậm trả lời doanh nghiệp.

- Cần có hướng dẫn để việc tổ chức đối thoại doanh nghiệp tại các địa phương đi vào thực chất, giải quyết một cách tổng thể các vấn đề của doanh nghiệp hướng tới nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Để làm tốt vấn đề này, Chính phủ cần tổ chức nâng cao năng lực của các cán bộ công chức làm công tác chính sách và phục vụ doanh nghiệp, nhất là trong việc nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, hiểu biết về hoạt động của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để từ đó xây dựng chính sách phù hợp, đồng thời nâng cao đạo đức công vụ. Xây dựng và nhân rộng các mô hình, thực tiễn tốt trong quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp như “Cà phê doanh nhân”.

- Cần xây dựng các hướng dẫn cụ thể và cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện các nguyên tắc của nghị quyết như: không hình sự các quan hệ kinh tế, dân sự, đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật; thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá 1 lần/năm), kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; nâng cao quản lý nhà nước theo hướng đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm...

- Thành lập các tổ công tác liên ngành để giám sát triển khai thực hiện 6 nhóm giải pháp đã nêu trên, định kì hàng Quý đánh giá kết quả và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Nêu cao vai trò của mặt trận tổ quốc và Hội đồng nhân dân trong việc giám sát thực hiện Nghị quyết; tiếp tục kiến nghị Quốc hội thông qua Luật về hội.

Trên đây là báo cáo thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển DN
- Bộ Kế hoạch- Đầu tư
- BTT (để báo cáo)
- Lưu VT, VP



Vũ Tiến Lộc

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP SAU 1 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NGÀY 16/05/2016 VỀ HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Sau gần một năm triển khai Nghị quyết 35 NQ/CP, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tiến hành cuộc khảo sát thu thập ý kiến của doanh nghiệp về việc thực hiện Nghị quyết của các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp. Khảo sát đã nhận được sự tham gia của 1087 doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trên toàn quốc (32 hiệp hội và 1055 doanh nghiệp. Trong tổng số 1055 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có 794 doanh nghiệp trả lời trong thời điểm từ 11-12/2016 và 261 doanh nghiệp trả lời trong thời điểm từ tháng 2-3/2017.

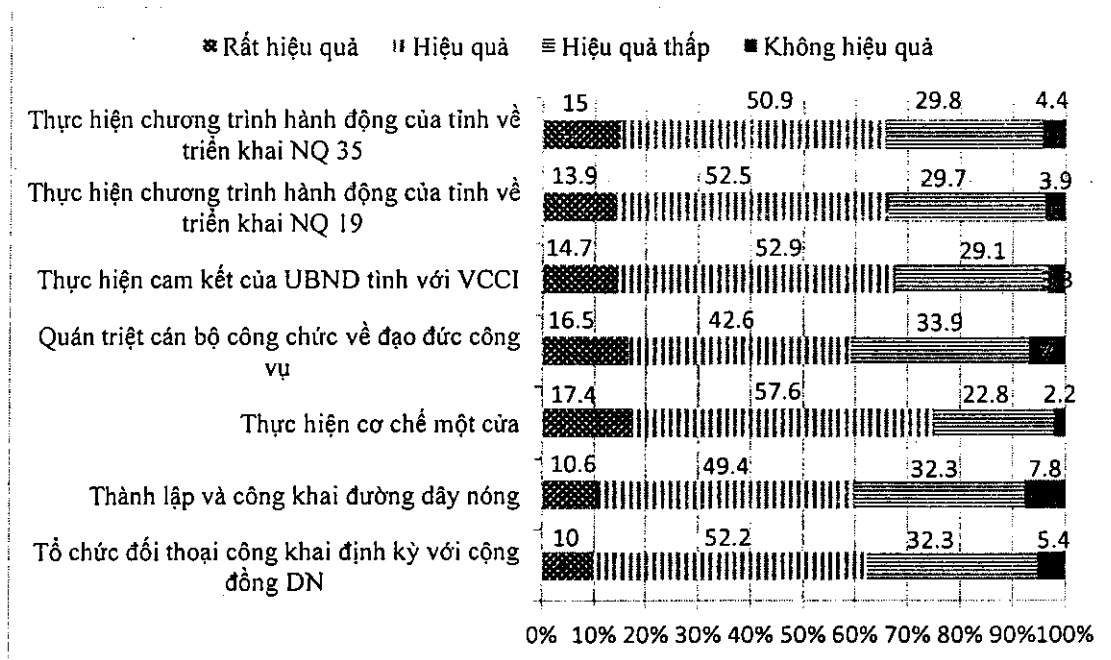
I. Đánh giá của DN về việc cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

Các doanh nghiệp đã nhận thấy nhiều biến chuyển tích cực trong môi trường làm việc, đặc biệt là thủ tục hành chính tại các cơ quan Nhà nước được đổi mới, tiến hành nhanh gọn, đơn giản, nhiều thủ tục được chuyển sang thực hiện qua mạng (bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, một số thủ tục đăng ký kinh doanh) giúp giảm thiểu thời gian, công sức cũng như chi phí. Bên cạnh đó, thông tin về chính sách hỗ trợ cũng được công khai thường xuyên trên nhiều phương tiện, tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động của doanh nghiệp.

Đánh giá về tính hiệu quả của các hoạt động của các bộ, ngành và các UBND tỉnh/thành phố nhằm cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, có khoảng 60% ý kiến từ doanh nghiệp cho rằng các hoạt động của các bộ ngành và các UBND tỉnh, thành phố “Rất hiệu quả” và “Hiệu quả”. Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động “Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông” là “Rất hiệu quả” và “Hiệu quả” là cao nhất (chiếm 74,9%) và việc “Thành lập và công khai đường dây nóng” và việc “Quản triệt cán bộ công chức về đạo đức công vụ” có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Rất hiệu quả và “Hiệu quả” thấp nhất, chiếm khoảng gần 60%. (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Tính hiệu quả của các hoạt động của UBND tỉnh/thành phố nhằm cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

Đơn vị: %



Nguồn: VCCI- Khảo sát tác động của Nghị quyết 35-NQ/CP đến doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, việc cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” đã thu được một số kết quả rất khả quan, giúp rút ngắn được thời gian, đơn giản hoá thủ tục và công khai nên đảm bảo tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Riêng ngành thuế và hải quan có rất nhiều nỗ lực, cải thiện nhằm phục vụ tốt hơn cho doanh nghiệp. Trong lĩnh vực hiện đại hóa hải quan, quy trình thủ tục hành chính được cải tiến, bỏ nhiều khâu trung gian theo hướng tổ chức dây chuyền thủ tục hải quan hoàn chỉnh, một cửa, do đó đã giảm đáng kể thời gian thông quan.

Bên cạnh những kết quả, thành tựu đã đạt được, việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” còn những hạn chế chủ yếu như sau:

- Nhiều nơi, nhiều chỗ kết quả giải quyết hồ sơ hành chính trên một số lĩnh vực cho tổ chức, công dân vẫn còn thấp so với yêu cầu đề ra. Nhiều hồ sơ giải quyết chưa đúng hạn, nhất là trên lĩnh vực đất đai, xây dựng.

- Ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ, thái độ phục vụ nhân dân của đa số cán bộ, công chức tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn còn chậm.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” còn thiếu đồng bộ, thủ tục giải quyết một số loại hồ sơ hành chính còn bị cắt khúc theo cấp hành chính, chưa tạo thành quy trình giải quyết thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

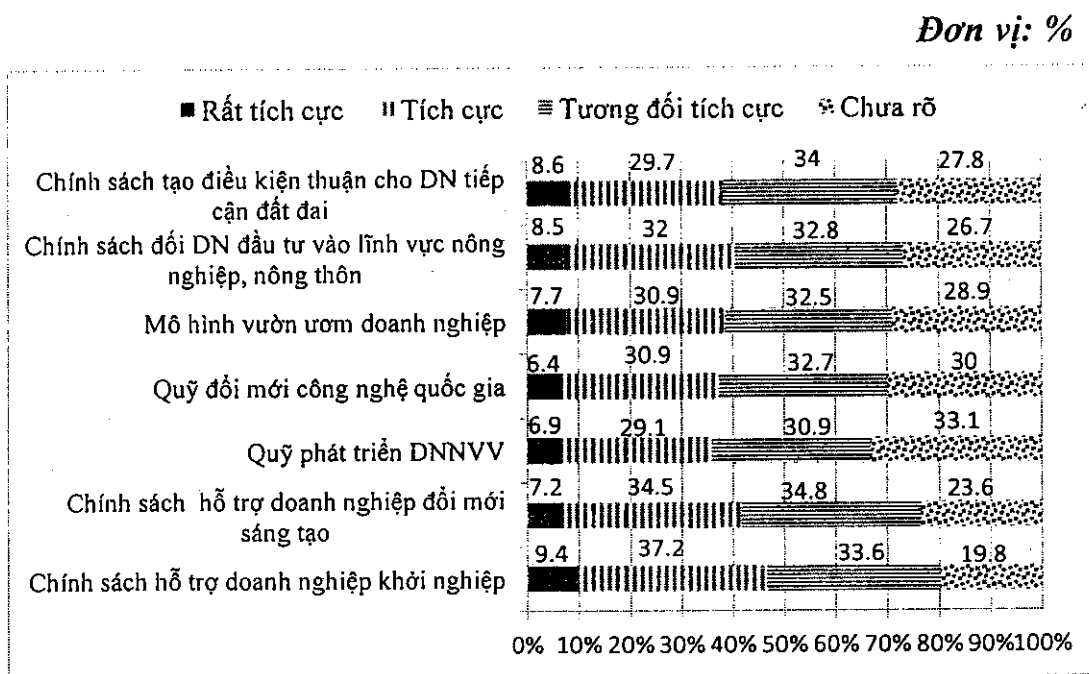
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của bộ phận "một cửa" của cơ quan hành chính các cấp tại một số địa phương chưa được quan tâm hỗ trợ đầy đủ.

- Đa số UBND các tỉnh, thành phố, sở, ban ngành chưa công khai minh bạch việc giải quyết thủ tục hành chính đối với hồ sơ của DN trên website để DN có thể truy cập vào, biết hồ sơ của DN đã được giải quyết đến đâu và đang ở bộ phận nào.

II. Đánh giá về việc tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

Đánh giá về tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết 35 nhằm tạo dựng môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khoảng 35-40% ý kiến từ doanh nghiệp đánh giá các giải pháp này có tác động "Tương đối tích cực", "Tích cực" và "Rất tích cực". Trong đó, "Các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp" có tỷ lệ cao nhất (80%); "Quỹ phát triển DNNVV" có tỷ lệ đánh giá thấp nhất (67%) (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Đánh giá về tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết 35 nhằm tạo dựng môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo



Nguồn: VCCI- Khảo sát tác động của Nghị quyết 35-NQ/CP đến doanh nghiệp.

Mặc dù Nghị quyết 35 /NQ-CP đã nêu rõ là "cần phải có những biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện hoặc bổ sung chức năng nhiệm vụ cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tăng cường vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp", Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được đánh giá có tác động ít tích cực nhất đến doanh nghiệp.

ng nghiệp trong thời gian qua. Khó tiếp cận nguồn vốn vay luôn là nỗi lo thường trực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa được kỳ vọng sẽ cung cấp thêm nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp. Tuy nhiên, tiếp cận nguồn vốn của quỹ này cũng không phải dễ dàng. Doanh nghiệp cần phải có dự án, phương án sản xuất - kinh doanh khả thi thuộc danh mục các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ của Quỹ. Doanh nghiệp có dự án, phương án sản xuất - kinh doanh khả thi được hỗ trợ vay vốn từ Quỹ thì không được hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước. Một điều kiện khác nữa là mức vốn cho vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất - kinh doanh tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án đó (không bao gồm vốn lưu động) nhưng không quá 30 tỷ đồng. Với quy định về lãi suất cho vay và những điều kiện "chuẩn" như vậy Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa hẳn là quá ưu đãi so với các ngân hàng thương mại nên các doanh nghiệp cũng chưa hào hứng lựa chọn tiếp cận nguồn vốn này.

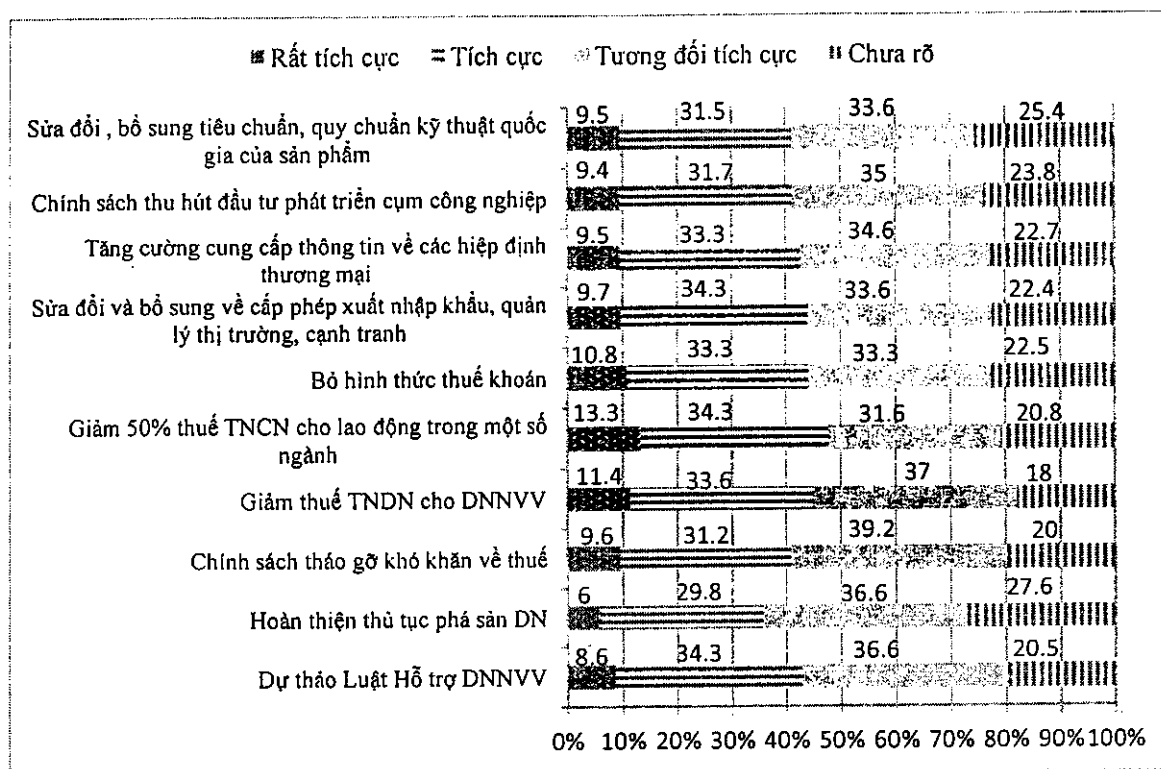
Một trong những giải pháp khác đề cập trong Nghị quyết là "phải có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai". Tuy vậy, các chính sách này vẫn chưa thực sự hiệu quả. Theo kết quả khảo sát, vẫn còn khoảng 28% ý kiến từ DN cho rằng chưa thấy rõ sự tác động tích cực của chính sách này tới doanh nghiệp. Khó khăn trong thỏa thuận giải phóng mặt bằng nhất là trong lĩnh vực đền bù, giải tỏa, tái định cư khi người dân bị thu hồi đất vẫn diễn ra; Thủ tục vẫn rườm rà; Giao đất cho DN vẫn chậm; Quỹ đất "sạch" để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh là các dự án phúc lợi xã hội công cộng vẫn chưa có.

III. Đánh giá về việc bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp

Đánh giá về tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết 35 nhằm đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, có khoảng 35-40% ý kiến từ doanh nghiệp đánh giá các giải pháp này có tác động "Tích cực" và "Rất tích cực". Vẫn còn khoảng 1/4 ý kiến từ doanh nghiệp chưa nhận thấy tác động của những giải pháp này. Doanh nghiệp cho rằng các nhóm giải pháp này khi đi vào thực hiện vẫn chưa rõ ràng như: các chính sách tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp; hay giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với lao động trong một số lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến hải sản.

Biểu đồ 4. Đánh giá tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết 35 nhằm đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp

Đơn vị: %



Nguồn: VCCI- Khảo sát tác động của Nghị quyết 35-NQ/CP đến doanh nghiệp.

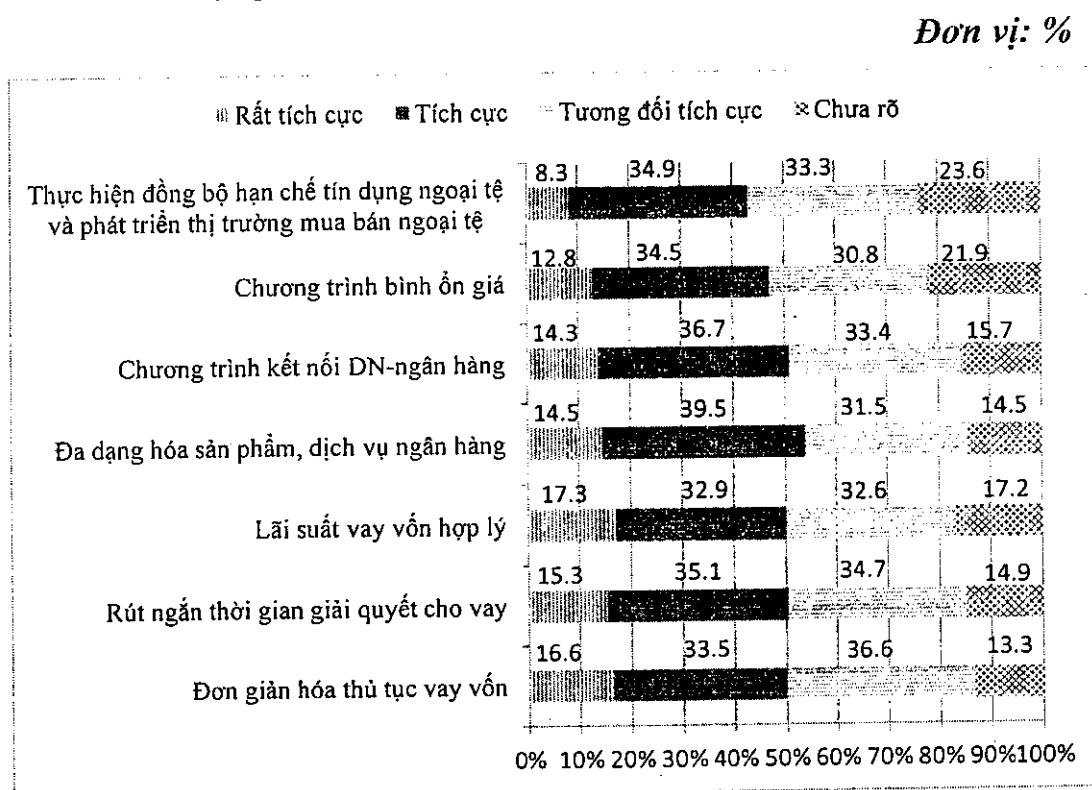
Trong các nhóm giải pháp nhằm đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, “Giảm thuế TNDN cho DNNVV” được đánh giá có tác động tích cực nhất đến doanh nghiệp. Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN, giao Bộ Tài chính xây dựng báo cáo trình Chính phủ để trình Quốc hội nghị quyết tháo gỡ khó khăn về thuế cho DN ngay trong năm 2016; xử lý nợ chậm nộp cho DN gặp khó khăn khách quan; nghiên cứu, đề xuất giảm thuế suất thuế TNDN cho DNNVV. Bộ Tài chính trình 5 nội dung liên quan tới các giải pháp về thuế TNDN. Trong đó, đáng lưu ý là giải pháp giảm thuế suất thuế TNDN cho DNNVV với phương án áp dụng thuế suất phổ thông được đưa ra là 17%. Việc giảm thuế này sẽ giúp DNNVV có điều kiện tăng tích tụ, tích lũy tái đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, vừa không ảnh hưởng nhiều tới số thu NSNN, do số lượng DNNVV chiếm phần lớn trong nền kinh tế nhưng tỷ trọng đóng góp vào NSNN về thuế TNDN lại nhỏ. Thực tế cho thấy, các DN càng có quy mô nhỏ thì càng dễ bị tổn thương trước những biến động của nền kinh tế, môi trường kinh doanh, trước sự cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể nói, giảm thuế TNDN cho DNNVV sẽ hỗ trợ đúng, trúng đối tượng để đạt được lợi ích kinh tế, xã hội nhưng lại không làm ảnh hưởng lớn đến thu NSNN.

“Việc hoàn thiện thủ tục phá sản” có tác động ít tích cực nhất đối với doanh nghiệp. Nguyên nhân là do thủ tục phá sản vẫn còn khó khăn, phức tạp. Thời gian thực hiện vẫn kéo dài. Về luật, sau 90 ngày kể từ ngày nộp đơn, doanh nghiệp sẽ nhận được phán quyết cuối cùng của tòa án. Tuy nhiên, trên thực tế, sau hơn 3 tháng

kể từ ngày nộp đơn, câu chuyện phá sản của một số doanh nghiệp vẫn giậm chân tại chỗ, không có tiến triển. Có doanh nghiệp tòa đã thụ án nhưng đến gần nửa năm vẫn chưa thể hoàn thành xong các thủ tục và giải quyết được các nghĩa vụ, trách nhiệm có liên quan.

Đánh giá về tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp của các tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, khoảng 50% ý kiến từ doanh nghiệp đánh giá các giải pháp này có tác động “Tích cực” và “Rất tích cực”. Trong đó, giải pháp “Đơn giản hóa thủ tục vay vốn” chiếm tỷ lệ cao nhất (50,1%), “Chương trình bình ổn giá” chiếm tỷ lệ thấp nhất (47,2%).

Biểu đồ 5. Đánh giá tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp của các tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn



Nguồn: VCCI- Khảo sát tác động của Nghị quyết 35-NQ/CP đến doanh nghiệp.

Theo kết quả khảo sát, vẫn còn tồn tại khoảng 20% ý kiến từ doanh nghiệp cho rằng tác động tới doanh nghiệp của các nhóm giải pháp của các tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn trong Nghị quyết là chưa rõ ràng. Nguyên nhân là do việc định giá tài sản thế chấp vay vốn là bất động sản thay đổi. Trước đây, các ngân hàng xem xét định giá theo thị trường nhưng quy định mới hiện nay lại xác định giá trị theo giá của nhà nước công bố hàng năm. Do đó cùng một tài sản thế chấp nhưng hạn mức cho vay bây giờ thấp hơn trước nên DN đang kẹt vốn trong sản xuất, trong tồn kho, lại phải chạy vay để tìm nguồn tài chính bổ sung trong khi không còn tài sản thế chấp. Một nguyên nhân khác là một số DN không đủ khả năng

tài chính để trả nợ hoặc quay vòng vốn, phải giữ vốn để tồn tại hoạt động và chấp nhận chịu nợ quá hạn tăng 150%, từ đó bị đánh giá là tình hình tài chính xấu, thông tin này được nổi mạng trong toàn bộ hệ thống ngân hàng nên DN không còn khả năng để tiếp cận nguồn vốn tín dụng ở bất kỳ ngân hàng nào khác. Từ đó việc cơ cấu lại nợ, giãn nợ theo chủ trương của ngân hàng hiện nay xem như không tác dụng đối với những DN loại này. Một nguyên nhân khác là mặc dù Nghị quyết đã nêu rõ Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện những giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng nhưng hiện doanh nghiệp lại đánh giá rằng các ngân hàng có xu hướng thắt chặt vốn tín dụng và định mức cho vay giảm sút.

IV. Đánh giá về việc giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp

Trong Nghị quyết cũng đề cập đến một số nhóm giải pháp nhằm giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp. Tuy nhiên sau gần 1 năm Nghị quyết có hiệu lực, dường như những giải pháp này chưa thực sự hỗ trợ doanh nghiệp. Điển hình như việc điều chỉnh giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp. Trong Nghị quyết nêu rõ Bộ tài chính chủ trì và phối hợp với các Bộ và cơ quan liên quan để điều chỉnh giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp, tuy nhiên, doanh nghiệp cho rằng tiền thuê đất sản xuất nông nghiệp đối với các doanh nghiệp vẫn cao trong khi các hộ nông dân không phải chịu thuế này. Sự chưa công bằng này gây áp lực lớn cho doanh nghiệp.

Tương tự như vậy, sau nhiều năm các DN xuất khẩu phản ứng về việc thu phí vô tội vạ của các hãng tàu, tháng 11 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 146/ 2016 quy định doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển phải công khai Phí vận tải biển. Tuy nhiên, Nghị định chưa đưa ra được chế tài khi phát hiện doanh nghiệp vận tải làm giá để chấm dứt tình trạng cạnh tranh không lành mạnh nay.

Như vậy, có thể thấy chính sách giúp doanh nghiệp giảm chi phí kinh doanh, của một số Bộ, ngành ban hành chưa đạt hiệu quả cao.

V. Đánh giá về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp

Về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp, trong Nghị quyết nêu rõ “các bộ và cơ quan liên quan cần thanh tra, kiểm tra và kiểm toán theo hướng lồng ghép, phối hợp và kế thừa kết quả hoạt động giữa các cơ quan” để giảm thiểu việc thanh tra, kiểm tra. Đồng thời, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện kiểm tra không quá 1 lần/1 năm. Theo kết quả của khảo sát, trong năm 2016, doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra trung bình là 2 lần. Đây có thể coi là mức doanh nghiệp có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 13,8% doanh nghiệp bị kiểm tra từ 4 trở lên trong năm 2016. Trong những doanh nghiệp có từ 2 cuộc kiểm tra trở lên, có 52,4% lượt doanh nghiệp cho rằng nội dung của các cuộc kiểm tra có những nội dung giống nhau. Đáng chú ý là các đợt kiểm tra chuyên ngành, nhất là đối với DN Chế biến thực phẩm đang trở thành gánh nặng do phải chịu giám sát của nhiều bộ ngành: bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công thương, và các cấp chính quyền địa phương. Chính vì vậy, trong thời gian

tới, các cần tăng cường việc kế thừa kết quả kiểm tra giữa các cơ quan để giảm bớt sự chồng chéo trong nội dung kiểm tra.